

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHẠM MINH THÔNG

**CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN TỘI PHẠM
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, năm 2017

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

PHẠM MINH THÔNG

**CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN TỘI PHẠM
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự
Mã số: 60.38.01.04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS. TS. PHẠM VĂN TỈNH**

HÀ NỘI, năm 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu được trích dẫn theo nguồn đã công bố. Kết quả nêu trong luận văn này là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận văn

Phạm Minh Thông

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN TỘI PHẠM THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	7
1.1. Khái niệm và ý nghĩa của các giai đoạn thực hiện tội phạm theo pháp luật hình sự Việt Nam	7
1.2. Quy định của pháp luật về các giai đoạn thực hiện tội phạm	23
CHƯƠNG 2. THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN TỘI PHẠM TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG.....	38
2.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật đối với các giai đoạn thực hiện tội phạm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	39
2.2. Những kết quả đạt được từ thực tiễn.....	53
2.3. Những khó khăn, hạn chế, bất cập và nguyên nhân.....	57
CHƯƠNG 3. CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM XÁC ĐỊNH VÀ XỬ LÝ ĐÚNG TỪNG GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN TỘI PHẠM	60
3.1. Hoàn thiện pháp luật hình sự liên quan đến các giai đoạn thực hiện tội phạm	60
3.2. Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật đối với các giai đoạn thực hiện tội phạm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	70
KẾT LUẬN	76
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
2.1.	So sánh tỷ lệ bản án của tội phạm chưa hoàn thành so với tội phạm đã hoàn thành thông qua nghiên cứu 100 bản án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 đến năm 2015	38
2.2.	So sánh tỷ lệ các tội phạm cụ thể trong 08 bản án hình sự về tội phạm chưa hoàn thành	39
2.3.	Tỷ lệ giai đoạn chuẩn bị phạm tội trong 08 bản án hình sự về tội phạm chưa hoàn thành	40
2.4.	So sánh tỷ lệ giai đoạn chuẩn bị phạm tội so với giai đoạn phạm tội chưa đạt trong 08 bản án hình sự về tội phạm chưa hoàn thành	41

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tội phạm, được hiểu theo nghĩa khái quát nhất là hành vi nguy hiểm cho xã hội, có lỗi, trái pháp luật hình sự và phải chịu hình phạt. Sự xuất hiện của tội phạm diễn ra cùng với sự chuyển đổi xã hội từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái chính trị, tức là trạng thái xã hội có Nhà nước và pháp luật. Để bảo đảm cho xã hội không bị phá tan vì các xung đột, Nhà nước đã quy định những hành vi nguy hiểm cho xã hội nào là tội phạm và áp dụng trách nhiệm hình sự đối với người nào thực hiện các hành vi đó. Như vậy, từ lịch sử đến hiện tại, việc quy định tội phạm và hình phạt luôn luôn là phương thức đấu tranh chống tội phạm và nó đã chứng tỏ là một trong những phương thức bảo vệ quyền con người, giữ cho xã hội ổn định và phát triển. Vì thế, nó phải được duy trì và phát huy hiệu quả, bằng cách nhận thức ngày càng tốt hơn, đầy đủ hơn về tội phạm và hình phạt. Đây chính là nhu cầu nghiên cứu tự thân, tức là do chính sự vận động và biến đổi không ngừng của bản thân tội phạm trên thực tế, do tính phức tạp và đa dạng của bản thân tội phạm, làm phát sinh nhu cầu nghiên cứu những quy định về tội phạm và hình phạt một cách thường xuyên và dưới nhiều góc độ, trong đó có cả phương thức thực hiện tội phạm, còn gọi là các giai đoạn thực hiện tội phạm, cái mà đề tài luận văn này muốn đề cập.

Mặt khác, do văn minh xã hội ngày càng cao, các quyền con người phải được thực hiện ngày càng tốt hơn, đầy đủ hơn, nên nguyên tắc công bằng càng phải được chú trọng trong việc quy định về tội phạm và hình phạt. Do vậy, việc nghiên cứu các giai đoạn thực hiện tội phạm có giá trị thiết thực, đặc biệt trong điều kiện hiện nay ở nước ta, khi mà công cuộc cải cách trên các lĩnh vực, trong đó có cải cách tư pháp hình sự, đã đạt được những thành quả

nhất định.

Xét trên phương diện thực tế, tức là qua thực tiễn xét xử tại thành phố Đà Nẵng lại cho thấy, việc áp dụng pháp luật hình sự trong việc xác định trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt đối với người phạm tội tại các giai đoạn phạm tội là không thống nhất, còn nhiều bất cập, cần phải làm rõ. Bản thân giai đoạn thực hiện tội phạm cũng chứa đựng nhiều ý nghĩa, vừa thể hiện mức độ thực hiện ý định phạm tội vừa liên quan trực tiếp đến trách nhiệm hình sự của người phạm tội.

Với cách nhìn nhận như vậy và cũng là để góp phần thực hiện mục tiêu của Đảng bộ và nhân dân thành phố Đà Nẵng đã đề ra trong kế hoạch đấu tranh phòng, chống tội phạm, trong đó, đấu tranh chống tội phạm bằng pháp luật hình sự luôn luôn giữ vai trò quan trọng. Vì thế, đề tài “*Các giai đoạn thực hiện tội phạm theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*” đã được lựa chọn để nghiên cứu.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong những năm qua, đã có nhiều công trình nghiên cứu; sách chuyên khảo, sách tham khảo, giáo trình; các bài viết trên các tạp chí chuyên ngành; các luận văn về tội phạm, các giai đoạn thực hiện tội phạm của nhiều tác giả, trong đó phải nói đến những công trình sau đây, những công trình mà tác giả Luận văn đã tham khảo:

- Võ Khánh Vinh (1994), *Nguyên tắc công bằng trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân;
- Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình Lý luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội năm;
- Đào Trí Úc (2000), *Luật hình sự Việt Nam (quyển 1) – những vấn đề chung*, Nxb KHXH, Hà Nội;
- Đinh Văn Quế (2000), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự 1999 –*

Phần chung, NXB. Thành phố Hồ Chí Minh;

- Lê Văn Cẩm (2007), *Cấu thành tội phạm và vấn đề xác định giai đoạn thực hiện tội phạm*;

- Cao Thị Oanh (2010), *Cấu thành tội phạm và vấn đề xác định giai đoạn thực hiện tội phạm*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội;

- Lê Thị Sơn (1999), *Một số vấn đề về các giai đoạn thực hiện tội phạm*, Trong sách: Luật hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn, NXB Công an nhân dân, Hà Nội;

- Lê Thị Sơn (1986), *Các giai đoạn phạm tội*, trong sách: những vấn đề lý luận cơ bản về tội phạm trong luật hình sự Việt Nam, Nxb. Khoa học xã hội;

- Hồ Thanh Vinh (2014), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về tội phạm chưa hoàn thành theo luật hình sự Việt Nam*, Luận văn, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tuy chưa đầy đủ, song các công trình khoa học nêu trên đã cung cấp cho tác giả Luận văn những kiến thức nền tảng về các giai đoạn thực hiện tội phạm để thực hiện đề tài, từ khái niệm, các đặc điểm cơ bản đến trách nhiệm hình sự và việc quyết định hình phạt đối với hành vi của người phạm tội trong từng giai đoạn thực hiện tội phạm.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Vì đề tài thuộc chuyên ngành Luật hình sự, nên mục đích nghiên cứu của đề tài phải là hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự và hướng dẫn áp dụng quy định đó về giai đoạn thực hiện tội phạm.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích đã nêu, đề tài cần phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- Nghiên cứu lịch sử lập pháp về các giai đoạn thực hiện tội phạm trong

pháp luật hình sự Việt Nam qua các thời kỳ;

- Nghiên cứu về các giai đoạn thực hiện tội phạm quy định trong luật hình sự một số nước;

- Nghiên cứu quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các giai đoạn thực hiện tội phạm;

- Nghiên cứu cụ thể, bao gồm các hoạt động tìm, thu thập, xử lý, phân tích, so sánh những số liệu thống kê thường xuyên, bản án hình sự và báo cáo tổng kết của Tòa án thành phố Đà Nẵng trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015;

- Kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự liên quan đến các giai đoạn thực hiện tội phạm và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xử lý đối với từng giai đoạn thực hiện tội phạm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài này phải đi tìm sự phù hợp giữa thực tế diễn biến các giai đoạn của sự kiện phạm tội, mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng giai đoạn đó với quy định của pháp luật. Nói cách khác, đối tượng nghiên cứu của đề tài này là bản chất pháp lý của các giai đoạn thực hiện tội phạm.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Xét về nội dung, đề tài này được thực hiện trong chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự;

Xét về địa bàn và thời gian, đề tài sử dụng số liệu thống kê hình sự và các bản án hình sự của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 đến năm 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa

Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về pháp luật và áp dụng pháp luật hình sự.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện đề tài, Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: quy nạp, diễn dịch; hệ thống; thống kê tội phạm; phân tích, tổng hợp; so sánh; điều tra, khảo sát; tổng kết kinh nghiệm. Từ đó rút ra những đánh giá, kết luận và đề xuất các kiến nghị liên quan đến các giai đoạn thực hiện tội phạm.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn là công trình nghiên cứu về các giai đoạn thực hiện tội phạm trên cơ sở khảo sát thực tiễn áp dụng pháp luật Hình sự Việt Nam trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 đến năm 2015, nên kết quả nghiên cứu của đề tài có giá trị góp phần bổ sung vào lý luận, cũng như quy định của pháp luật về giai đoạn thực hiện tội phạm và có thể được sử dụng làm tài liệu học tập cũng như nghiên cứu trong phạm vi chuyên ngành Luật hình sự và tổ tụng hình sự.

6.1. Ý nghĩa thực tiễn

Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần bổ sung vào kinh nghiệm công tác đấu tranh chống tội phạm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 03 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về các giai đoạn thực hiện tội phạm theo pháp luật hình sự Việt Nam

Chương 2: Thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật về các giai đoạn

thực hiện tội phạm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Chương 3: Các biện pháp bảo đảm xác định và xử lý đúng từng giai đoạn thực hiện tội phạm.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN TỘI PHẠM THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm và ý nghĩa của các giai đoạn thực hiện tội phạm theo pháp luật hình sự Việt Nam

1.1.1. Khái niệm các giai đoạn thực hiện tội phạm theo pháp luật hình sự Việt Nam

Khoa học luật hình sự trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, đều phân biệt các giai đoạn phạm tội, như là cách thức để nhận biết dấu hiệu của tội phạm ở từng thời điểm thực hiện.

Trong khoa học luật hình sự Liên bang Nga, quan điểm về các giai đoạn cũng có sự khác nhau. Cụ thể như sau: 1) Các giai đoạn thực hiện tội phạm là các giai đoạn chuẩn bị và trực tiếp thực hiện tội phạm cố ý, được phân biệt với nhau theo tính chất (nội dung) của hành vi đã được thực hiện và thời điểm chấm dứt xử sự có tính chất tội phạm (B.V.Zdravômuxlôv); 2) Các giai đoạn thực hiện tội phạm là các giai đoạn nhất định của việc chuẩn bị và thực hiện tội phạm cố ý, được phân biệt với nhau theo tính chất của những hành vi được thực hiện và thời điểm chấm dứt hành vi ấy (X.G.Kelina); 3) Các giai đoạn của việc chuẩn bị và trực tiếp thực hiện tội phạm được quy định trong luật và được phân biệt với nhau theo tính chất và nội dung của hành vi người phạm tội thực hiện, cũng như mức độ kết thúc hành vi phạm tội (Ê.F.Pobegailô)... [3, tr.440-441].

Còn trong khoa học luật hình sự Việt Nam, các nhà khoa học luật hình sự, về cơ bản đã đi sâu nghiên cứu và đưa ra các quan điểm khác nhau về tội phạm chưa hoàn thành và nói chung đều thừa nhận chỉ những tội phạm do

phạm tội cố ý, tức là người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước được hậu quả của hành vi đó, bằng ý chí chủ quan của mình quyết tâm thực hiện tội phạm đến cùng thì mới có các giai đoạn phạm tội. GS.TSKH. Lê Văn Cẩm viết: Các giai đoạn thực hiện tội phạm là các bước phát triển theo một trình tự nhất định mà tội phạm trải qua, được thể hiện bằng việc thực hiện các dấu hiệu thuộc mặt khách quan của cấu thành tội phạm tương ứng và bằng mức độ khác nhau của việc thể hiện sự cố ý phạm tội của chủ thể [3, tr.441].

Hay tác giả Trần Văn Đuộm lại đưa ra quan điểm tương tự và liệt kê các giai đoạn cố ý thực hiện tội phạm là "các bước trong quá trình thực hiện tội phạm bao gồm chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành" [22, tr.176].

Hay gần đây, TS. Trịnh Tiến Việt quan niệm: "Các giai đoạn phạm tội được hiểu là những bước trong quá trình thực hiện tội phạm do cố ý, phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội ở từng thời điểm, bao gồm: chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành" [31, tr.156]; v.v...

Chắt lọc từ những quan điểm nêu trên, có thể rút ra những điểm chung cơ bản của các giai đoạn thực hiện tội phạm là chỉ ở các tội cố ý, người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước được hậu quả của hành vi đó, người phạm tội bằng ý chí chủ quan của mình quyết tâm thực hiện tội phạm đến cùng thì mới có các giai đoạn phạm tội. Từ đó cũng có thể hiểu được rằng các giai đoạn thực hiện tội phạm không có trong tội phạm vô ý, bởi trong tội phạm vô ý người phạm tội không nhận thức được hành vi nguy hiểm cho xã hội, không thấy trước được hậu quả nguy hiểm cho xã hội của hành vi đó và cũng không mong muốn cho hậu quả nguy hiểm cho xã hội bởi hành vi đó.

Như vậy, trong phạm tội cố ý, có hai hình thức lỗi (hay còn gọi là hai dạng) cố ý là cố ý trực tiếp và cố ý gián tiếp. Như vậy vấn đề đặt ra cho các giai đoạn thực hiện tội phạm là hình thức lỗi cố ý trực tiếp hay hình thức lỗi cố ý gián tiếp, hay chung cho cả hai hình thức lỗi cố ý. Hầu hết các nhà hình sự học cho rằng các giai đoạn thực hiện tội phạm chỉ đặt ra với tội phạm thực hiện với hình thức lỗi cố ý trực tiếp... [2, tr.223]. Lý giải cho quan điểm này, các tác giả đều cho rằng, ở lỗi cố ý trực tiếp người phạm tội khi thực hiện một loạt hành vi như chuẩn bị công cụ, phương tiện, vạch kế hoạch, bàn bạc, rủ rê, lôi kéo người khác tham gia; v.v... và tiến hành thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, người phạm tội không thể không nhận thức được hậu quả nguy hiểm cho xã hội của hành vi thực hiện, không thể không mong muốn cho hậu quả xảy ra.

Cũng có trường hợp đối với những tội có cấu thành hình thức bằng không hành động, mặc dù có lỗi cố ý trực tiếp cũng không có hành vi chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt. Ví dụ: Tội không tố giác tội phạm (Điều 314 Bộ luật hình sự); Tội cố ý không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng (Điều 107 Bộ luật hình sự); v.v...

Cũng có một số quan điểm cho rằng người phạm tội với hình thức lỗi cố ý gián tiếp cũng trải qua các giai đoạn thực hiện tội phạm.

Cũng trường hợp phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, người phạm tội có lỗi cố ý gián tiếp cũng có ý thức lựa chọn một xử sự phạm tội. Những gì nguy hiểm cho xã hội đã xảy ra ở trường hợp phạm tội cố ý gián tiếp là những điều tuy chủ thể không nhằm tới nhưng họ chấp nhận việc nó xảy ra. Khi điều đó chưa xảy ra, chúng ta vẫn có thể và cần phải đặt vấn đề trách nhiệm hình sự đối với họ, vì việc không xảy ra là do nguyên nhân khách quan, còn chủ quan người phạm tội vẫn sẵn sàng chấp nhận việc nó xảy ra. Ngoài ra, về mặt thực tiễn, hiện nay chúng ta đã gặp những vụ việc đòi hỏi cần xét xử về hình sự và

việc xét xử này chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở thừa nhận nguyên tắc: Các giai đoạn thực hiện tội phạm và trách nhiệm hình sự đối với các giai đoạn phạm tội được đặt ra cho cả trường hợp phạm tội cố ý gián tiếp [10, tr.68-69].

Do đó, việc đặt ra cho các giai đoạn thực hiện tội phạm với hình thức lỗi cố ý gián tiếp là chưa thật chính xác, bởi vì trong tội phạm do lỗi cố ý gián tiếp, người phạm tội không nhận thức trước được hậu quả nguy hiểm cho xã hội, không mong muốn hậu quả xảy ra, nên không thể có các giai đoạn chuẩn bị phạm tội cũng như phạm tội chưa đạt.

Bộ luật hình sự Việt Nam quy định các giai đoạn thực hiện tội phạm bao gồm: *Chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành*. Tuy nhiên, Bộ luật hình sự cũng chỉ nêu chuẩn bị phạm tội tại Điều 17, phạm tội chưa đạt tại Điều 18, còn tội phạm hoàn thành không quy định thành một điều luật cụ thể mà được phản ánh thông qua nội dung của 276 tội danh trong Phần các tội phạm Bộ luật này. Trong đó, chuẩn bị phạm tội là giai đoạn đầu tiên của các giai đoạn thực hiện tội phạm và là giai đoạn có ảnh hưởng lớn đến kết quả phạm tội. Các giai đoạn kế tiếp là phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành. Việc quy định cách phân chia các giai đoạn thực hiện tội phạm như vậy, thể hiện tính hợp lý cao về khoa học và thực tiễn. Điều 2 Bộ luật hình sự quy định: "Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự" [15]. Như vậy, việc quy định rõ chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt trong Bộ luật hình sự là cơ sở để xác định mức độ và tính chất của hành vi nguy hiểm cho xã hội, từ đó làm cơ sở cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự một cách chính xác, hợp tình, hợp lý, bảo đảm sự chặt chẽ trong quyết định hình phạt, thể hiện được các nguyên tắc pháp chế và công bằng, để Tòa án đưa ra được các quyết định hình phạt một cách công minh, chính xác, không để lọt tội phạm và người phạm tội, nhưng cũng không làm oan người vô tội.

Ngoài ra, thực tiễn xét xử ở nước ta từ trước đến nay hầu hết chỉ thừa nhận các giai đoạn thực hiện tội phạm do lỗi cố ý mà không đặt ra vấn đề các giai đoạn thực hiện tội phạm đối với lỗi cố ý trực tiếp, bởi vì trong tội phạm do lỗi cố ý gián tiếp người phạm tội không mong muốn hậu quả xảy ra, thờ ơ, bàng quan với hậu quả xảy ra. Hậu quả xảy ra không phải là mục đích của người phạm tội.

Như vậy, có thể đưa ra khái niệm đang nghiên cứu như sau: *Các giai đoạn phạm tội là các bước của quá trình thực hiện tội phạm do cố ý (trực tiếp) do luật hình sự quy định, phản ánh tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội ở từng thời điểm khác nhau, bao gồm chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành.*

Từ khái niệm nêu trên, có thể nêu lên những đặc điểm chính của các giai đoạn thực hiện tội phạm như sau:

- Các giai đoạn thực hiện tội phạm là các bước, các giai đoạn phát triển nhất định mà tội phạm trải qua gồm: Chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành.
- Các giai đoạn thực hiện tội phạm được quy định trong luật hình sự.
- Các giai đoạn thực hiện tội phạm chỉ được đặt ra đối với tội phạm thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp.
- Các giai đoạn thực hiện tội phạm phản ánh tính chất và mức độ nguy hiểm khác nhau của hành vi phạm tội ở từng thời điểm trong quá trình thực hiện tội phạm (chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành).

Trong khoa học luật hình sự Việt Nam, cũng đã có nhiều tác giả đưa ra những quan điểm về khái niệm các giai đoạn thực hiện tội phạm và được thể chế hóa trong Bộ luật hình sự Việt Nam để từ đó phân biệt giữa khái niệm tội phạm chưa hoàn thành và tội phạm đã hoàn thành, đồng thời làm rõ cơ sở để phân chia các giai đoạn phạm tội nhằm xác định đúng và đầy đủ trách nhiệm

hành sự đối với từng giai đoạn thực hiện tội phạm. Qua đó, có thể hiểu về khái niệm và trách nhiệm hành sự đối với từng giai đoạn phạm tội cụ thể như sau:

1.1.1.1. Giai đoạn chuẩn bị phạm tội

a. Khái niệm

Chuẩn bị phạm tội là một giai đoạn phạm tội trong tội phạm chưa hoàn thành và một phần của quá trình thực hiện tội phạm cố ý. Ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội, người phạm tội đã có hành vi nhằm tạo ra những điều kiện cần thiết, tạo tiền đề cho việc thực hiện tội phạm, tuy nhiên người phạm tội chưa thực hiện hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm, tức là chưa có hành vi xâm phạm đến đối tượng tác động. Ví dụ như: Trần Văn A chuẩn bị các công cụ sử dụng để phá khóa với mục đích đến nhà ông Nguyễn Văn B phá khóa trộm cắp tài sản của gia đình ông B, nhưng khi chuẩn bị thực hiện hành vi thì bị lực lượng dân phòng phát hiện nên A không thực hiện được hành vi trộm cắp tại nhà B.

Giai đoạn chuẩn bị phạm tội được quy định tại Điều 17 Bộ luật hình sự, theo đó chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm. Hành vi chuẩn bị phạm tội thường được thể hiện dưới các dạng như sau:

- Chuẩn bị kế hoạch phạm tội như: bàn bạc, phân công trách nhiệm cho từng người, kế hoạch tiêu thụ tài sản hay kế hoạch che giấu tội phạm... Dạng chuẩn bị phạm tội này thường xảy ra đối với những tội phạm được thực hiện có đồng phạm hoặc có tổ chức. Tuy nhiên, cũng có tội phạm chỉ do một người thực hiện vẫn có sự chuẩn bị kế hoạch phạm tội. Ví dụ: A có ý định tạt a xít vào B, tự A đã vạch ra một kế hoạch như mua a xít ở đâu, tạt a xít vào B như thế nào, sau khi tạt được a xít vào B thì tẩu thoát như thế nào, v.v...

- Thăm dò hoặc tìm địa điểm phạm tội, dạng chuẩn bị này chủ yếu đối với các tội xâm phạm sở hữu hoặc xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân

phẩm của công dân. Cũng như ví dụ trên: A theo dõi B, xác định quy luật tuyến đường, thời gian B thường đi để tiến hành hành vi phạm tội.

- Chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội như: chuẩn bị xe máy để đi cướp giật, chuẩn bị dao để giết người, chuẩn bị thuốc nổ để hủy hoại tài sản, chuẩn bị xăng để đốt nhà, chuẩn bị thuốc mê để làm người có tài sản uống nhằm chiếm đoạt tài sản của họ, chuẩn bị giấy tờ giả mạo để lừa đảo, v.v...

- Loại trừ trước những trở ngại khách quan để thực hiện tội phạm được thuận lợi dễ dàng như: ngắt cầu dao điện để đêm đột nhập vào kho trộm cắp tài sản, cho các con đi nghỉ mát để ở nhà giết vợ được dễ dàng v.v...

Như vậy, chuẩn bị phạm tội là hành vi tạo ra tiền đề (điều kiện cần thiết cho việc thực hiện tội phạm. Hành vi chuẩn bị phạm tội có một ý nghĩa rất quan trọng đến kết quả của việc thực hiện tội phạm, chuẩn bị càng chu đáo công phu bao nhiêu thì kết quả của việc thực hiện tội phạm càng đạt kết quả bấy nhiêu.

b. Trách nhiệm hình sự đối với giai đoạn chuẩn bị phạm tội

Về cơ sở khoa học để xác định một người phải chịu trách nhiệm hình sự ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội. Mặc dù hành vi đã thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội chưa tác động vào đối tượng tác động của tội phạm để gây thiệt hại cho xã hội nhưng họ vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự. Bởi vì:

Bản chất của chuẩn bị phạm tội là hành vi tiền đề tạo điều kiện cho việc thực hiện tội phạm. Hành vi này luôn hướng tới việc đạt mục đích nhất định. Chính nó quyết định tội phạm xảy ra hay không và xảy ra như thế nào.

Một tội phạm khi thực hiện có sự chuẩn bị thì tính nguy hiểm cho xã hội của nó cao hơn so với trường hợp không có sự chuẩn bị.

Trong ý thức chủ quan của can phạm là mong muốn tiếp tục thực hiện tội phạm đến cùng.

Việc dừng lại ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội do nguyên nhân khách

quan ngoài ý muốn.

Kết quả của việc thực hiện tội phạm phần nào phụ thuộc vào hành vi chuẩn bị phạm tội, nếu quá trình chuẩn bị phạm tội càng chi tiết, kĩ lưỡng thì quá trình thực hiện tội phạm có khả năng gây ra hậu quả cao hơn, nghiêm trọng hơn. Theo luật hình sự Việt Nam, không phải hành vi chuẩn bị phạm tội nào cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi chuẩn bị phạm tội được đánh giá và phân biệt thành hai loại: loại hành vi chuẩn bị phạm tội phải truy cứu trách nhiệm hình sự (nếu tội định phạm là tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng) và loại không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, mặc dù cả hai loại đều chưa gây ra hậu quả, nhưng tính chất nguy hiểm của hành vi chuẩn bị phạm tội có khác nhau và sự khác nhau đó lại không phụ thuộc vào tính chất và mức độ của hành vi chuẩn bị phạm tội mà nó hoàn toàn phụ thuộc vào tính chất nghiêm trọng của tội phạm mà người đó định thực hiện.

1.1.1.2. Giai đoạn phạm tội chưa đạt

a. Khái niệm

Điều 18 của Bộ luật hình sự quy định: *“Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội”*

Chỉ có các tội được thực hiện do cố ý thì mới có phạm tội chưa đạt.

Điều luật không quy định hình thức cố ý trực tiếp hay cố ý gián tiếp, nhưng căn cứ vào nội dung của điều luật quy định “không thực hiện được đến cùng”, tức là người phạm tội có mục đích thực hiện tội phạm đến cùng, nên họ mong muốn cho hậu quả xảy ra chứ không phải để mặc cho hậu quả xảy ra. Do đó phạm tội chưa đạt chỉ có thể xảy ra đối với trường hợp cố ý trực tiếp.

Theo luật hình sự Việt Nam, có ba dấu hiệu xác định trường hợp phạm tội chưa đạt [23, tr.156-158].

Dấu hiệu thứ nhất: người phạm tội đã bắt đầu thực hiện tội phạm. Đây là dấu hiệu phân biệt phạm tội chưa đạt với chuẩn bị phạm tội. Sự bắt đầu này thể hiện ở chỗ: người phạm tội đã thực hiện hành vi khách quan được mô tả trong cấu thành tội phạm. Ví dụ: kẻ giết người đã thực hiện hành vi tước đoạt tính mạng người khác (như đã đâm, đã bắn, đã chém) là hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm tội giết người (Điều 93 Bộ luật hình sự). Cũng được coi là đã bắt đầu thực hiện tội phạm nếu người phạm tội đã thực hiện được hành vi đi liền trước hành vi khách quan. Đó là những hành vi (xét về khách quan và chủ quan) thể hiện là sự bắt đầu của hành vi khách quan và kế tiếp ngay sau nó hành vi khách quan sẽ xảy ra. Ví dụ: hành vi nhặt dao để đâm, lắp đạn để bắn trong trường hợp phạm tội giết người được coi là hành vi đi liền trước. Những hành vi này chưa phải là hành vi khách quan, chưa phải là hành vi tước đoạt tính mạng người khác (hành vi đâm, hành vi bắn) nhưng nó là sự bắt đầu của hành vi khách quan và ngay sau nó hành vi khách quan (hành vi đâm, hành vi bắn) sẽ xảy ra. Những hành vi “đi liền trước” như vậy tuy thể hiện là sự chuẩn bị nhưng vì rất gần với hành vi khách quan, không tách ra được nên cũng được coi là hành vi thực hiện tội phạm.

Dấu hiệu thứ hai: người phạm tội không thực hiện tội phạm được đến cùng (về mặt pháp lý), nghĩa là hành vi của họ chưa thỏa mãn hết các dấu hiệu (thuộc mặt khách quan) của cấu thành tội phạm. Những trường hợp hành vi phạm tội chưa thỏa mãn hết các dấu hiệu (thuộc mặt khách quan) của cấu thành tội phạm có thể xảy ra ở một trong những dạng dưới đây:

- Chủ thể chưa thực hiện được hành vi khách quan mà mới chỉ thực hiện được “hành vi đi liền trước”. Ví dụ: kẻ giết người mới nhặt dao để đâm thì bị bắt giữ.

- Chủ thể đã thực hiện được hành vi khách quan nhưng chưa gây ra hậu quả của tội phạm. Ví dụ: kẻ giết người đã đâm được nạn nhân nhưng nạn

nhân không chết.

- Chủ thể đã thực hiện được hành vi khách quan nhưng chưa thực hiện hết. Ví dụ: kẻ hiếp dâm mới vật ngã được nạn nhân nhưng chưa thực hiện được việc giao cấu thì bị bắt giữ.

- Hậu quả thiệt hại tuy đã xảy ra nhưng không có quan hệ nhân quả với hành vi khách quan mà chủ thể đã thực hiện. Ví dụ: A cầm dao đột nhập vào nhà để giết B, A thấy B chùng chãi nằm trên giường liền lao tới và đâm nhiều nhát vào người B, nghĩ rằng B đã chết nên A bỏ đi. Tuy nhiên trên thực tế, trước khi A đột nhập vào nhà B thì B đã chết, như vậy hậu quả chết người tuy đã xảy ra với B nhưng không có quan hệ nhân quả với hành vi khách quan của A.

Trong bốn dạng có thể xảy ra nêu trên, hai dạng (2 và 4) chỉ có thể có ở những tội phạm có cấu thành tội phạm vật chất.

Dấu hiệu thứ ba: người phạm tội không thực hiện tội phạm được đến cùng là do những nguyên nhân ngoài ý muốn của họ. Bản thân người phạm tội vẫn muốn tội phạm hoàn thành nhưng tội phạm không hoàn thành là do:

- Nạn nhân hoặc người bị hại đã chống cự lại được hoặc đã tránh được;
- Người khác đã ngăn chặn được;
- Có những trở ngại khác như bắn nhưng đạn không nổ; thuốc độc để đầu độc không đủ liều lượng.

b. Phân loại các trường hợp phạm tội chưa đạt

Căn cứ vào thái độ tâm lý của người phạm tội đối với hành vi mà họ đã thực hiện, khoa học pháp lý chia phạm tội chưa đạt thành hai loại: chưa đạt đã hoàn thành và chưa đạt chưa hoàn thành, cụ thể:

- Phạm tội chưa đạt đã hoàn thành là trường hợp người phạm tội đã thực hiện đầy đủ những hành vi mà họ cho là cần thiết để gây hậu quả, nhưng vì nguyên nhân khách quan (ngoài ý muốn) hậu quả đó không xảy ra (chưa

đạt về hậu quả, hoàn thành về hành vi). Ví dụ một người có ý định giết người khác, đã dùng dao đâm 3 phát vào người nạn nhân và tin nạn nhân đã chết nên bỏ đi, nhưng sau đó nạn nhân được cứu chữa nên không chết. Ở đây người phạm tội đã hành động như ý muốn và tin là hậu quả sẽ xảy ra nhưng lại không xảy ra. Trường hợp này người phạm tội dừng lại mặc dù không còn gì ngăn cản nhưng cũng không được coi là tự nguyện nửa chừng chấm dứt thực hiện tội phạm, vì người phạm tội đã thỏa mãn với hành vi nhưng chưa thỏa mãn về hậu quả.

- Phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành là trường hợp người phạm tội vì nguyên nhân khách quan, chưa thực hiện hết các hành vi mà họ cho là cần thiết để gây ra hậu quả nên hậu quả không xảy ra (chưa đạt về hậu quả, chưa hoàn thành về hành vi). Ví dụ: một người có ý định giết người khác nên dùng dao đâm vào người khác để tước đoạt tính mạng người đó, nhưng mới đâm được một nhát thì bị người dân xung quanh ngăn cản, không đâm tiếp được nữa và nạn nhân không chết, chỉ bị thương. Trường hợp này người phạm tội chưa đâm được như ý muốn và hậu quả cũng chưa xảy ra.

Căn cứ vào tính chất đặc biệt của nguyên nhân dẫn đến việc chưa đạt thì luật hình sự còn có trường hợp phạm tội chưa đạt vô hiệu, đây là trường hợp phạm tội chưa đạt mà nguyên nhân khách quan của việc chưa đạt gắn với công cụ, phương tiện, với đối tượng tác động của tội phạm.

c. Điều kiện của phạm tội chưa đạt

- *Về thời điểm*: Thời điểm bắt đầu của giai đoạn phạm tội chưa đạt: là thời điểm bắt đầu thực hiện hành vi khách quan được mô tả trong cấu thành tội phạm hoặc hành vi đi liền trước hành vi khách quan (ví dụ như hành vi nhét dao để đâm nạn nhân).

- + Người phạm tội đã thực hiện hành vi đi liền trước hành vi khách quan
- + Người phạm tội chưa thực hiện hết các hành vi khách quan đối với tội

phạm có cấu thành tội phạm hình thức mà có nhiều hành vi khách quan. Ví dụ tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản người phạm tội mới thực hiện hành vi bắt cóc con tin.

+ Người phạm tội đã thực hiện hết hành vi khách quan nhưng hậu quả chưa xảy ra đối với cấu thành tội phạm vật chất. Ví dụ tội trộm cắp tài sản nhưng chưa lấy được tài sản.

- *Về tâm lý*: Việc người phạm tội phải dừng lại ở những thời điểm trên là do các nguyên nhân khách quan, các nguyên nhân đó có thể là do: Nạn nhân tránh được, hoặc người khác ngăn chặn, hoặc không có đối tượng tác động, hoặc công cụ, phương tiện vô hiệu như đạn không nổ, thuốc độc không còn giá trị sử dụng.

1.1.1.3. Giai đoạn tội phạm hoàn thành

a. Khái niệm

Giai đoạn tội phạm hoàn thành là trường hợp tội phạm đã thỏa mãn hết các dấu hiệu được mô tả trong cấu thành tội phạm.

Có thể được hiểu là: Khi tội phạm hoàn thành thì hành vi phạm tội đã có đủ các dấu hiệu phản ánh đầy đủ tính chất nguy hiểm cho xã hội của loại tội đó. Với quan niệm về tội phạm hoàn thành như vậy, luật hình sự Việt Nam khẳng định: Thời điểm tội phạm hoàn thành không phụ thuộc vào việc người phạm tội đã đạt được mục đích của mình hay chưa. Khái niệm tội phạm hoàn thành không dùng để chỉ thời điểm người phạm tội đạt được mục đích của mình, khi tội phạm hoàn thành thì cũng có thể người phạm tội đã đạt được mục đích của mình nhưng cũng có thể chưa đạt được mục đích đó. Nói tội phạm hoàn thành là hoàn thành về mặt pháp lý - tức là tội phạm đã thỏa mãn hết các dấu hiệu cấu thành tội phạm. Tội phạm khi đã hoàn thành về mặt pháp lý, có thể cũng dừng lại không xảy ra nữa trong thực tế nhưng cũng có thể tiếp tục xảy ra. Ngược lại, tội phạm tuy đã dừng lại nhưng có thể chưa hoàn thành.

Trong thực tiễn áp dụng, khi xác định trường hợp phạm tội cụ thể đã hoàn thành hay chưa, chỉ cần kiểm tra hành vi phạm tội đó đã thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm hay chưa. Sẽ là trường hợp tội phạm hoàn thành nếu hành vi phạm tội đã thỏa mãn hết các dấu hiệu của cấu thành tội phạm và ngược lại sẽ là trường hợp tội phạm chưa hoàn thành nếu hành vi phạm tội chưa thỏa mãn hết các dấu hiệu trọng cấu thành tội phạm.

Như vậy, việc quy định thời điểm tội phạm hoàn thành của từng tội phạm được thực hiện qua việc xây dựng các dấu hiệu của cấu thành tội phạm. Thời điểm hoàn thành sớm hay muộn tùy thuộc vào việc xây dựng các cấu thành tội phạm. Những dấu hiệu trong cấu thành tội phạm phải phản ánh được tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội và đảm bảo thời điểm hoàn thành của tội phạm phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng chống cũng như với đặc điểm của tội phạm.

Căn cứ vào định nghĩa chung về tội phạm hoàn thành và dựa vào đặc điểm cấu trúc của các loại cấu thành tội phạm, có thể rút ra được kết luận về thời điểm hoàn thành của các loại tội có cấu thành tội phạm vật chất và các loại tội có cấu thành tội phạm hình thức như sau:

- Tội có cấu thành vật chất được coi là hoàn thành khi hành vi phạm tội đã gây ra hậu quả tác hại theo quy định của pháp luật về tội phạm cụ thể. Đặc điểm của trường hợp hoàn thành này là người phạm tội đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, khách thể đã bị xâm phạm; hậu quả tác hại của hành vi phạm tội đã xảy ra theo quy định của cấu thành tội phạm, hậu quả tác hại là dấu hiệu bắt buộc.

- Tội có cấu thành hình thức được coi là hoàn thành từ khi người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội quy định trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm, không kể họ đã gây ra hoặc chưa gây ra hậu quả tác hại, điển hình là các tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội đe dọa giết người, tội cướp tài sản v.v....

b. Phân biệt thời điểm tội phạm hoàn thành và thời điểm tội phạm kết thúc

Tội phạm kết thúc là thời điểm hành vi phạm tội đã thực sự chấm dứt. Thời điểm tội phạm hoàn thành cần phải được phân biệt với thời điểm tội phạm kết thúc. Hai thời điểm tội phạm hoàn thành và thời điểm tội phạm kết thúc có thể trùng nhau hoặc không trùng nhau.

Hành vi phạm tội có thể dừng lại ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội hoặc ở giai đoạn phạm tội chưa đạt và ngược lại tội phạm tuy đã hoàn thành nhưng vẫn có thể tiếp tục xảy ra. Việc phân biệt hai thời điểm này có ý nghĩa trong thực tế áp dụng chế định đồng phạm và trong thực tế áp dụng những quy định về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc áp dụng những chế định và quy định này đều dựa vào thời điểm tội phạm kết thúc và hoàn toàn không phụ thuộc vào thời điểm tội phạm hoàn thành. Việc còn có thể tham gia vào vụ án và trở thành đồng phạm hay còn có thể thực hiện quyền phòng vệ chính đáng hay không, chỉ phụ thuộc vào những việc tội phạm đã kết thúc hay chưa.

Trong khi áp dụng quy định về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, việc xác định thời điểm tội phạm kết thúc có ý nghĩa đối với trường hợp giữa ngày thực hiện tội phạm và ngày tội phạm kết thúc có khoảng cách như ở những tội kéo dài hoặc ở những trường hợp tội liên tục. Đối với những trường hợp này, việc tính thời hiệu phải kể từ ngày tội phạm kết thúc.

1.1.1.4. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội

a. Khái niệm

"Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là tự mình không thực hiện tội phạm đến cùng, tuy không có gì ngăn cản".

b. Điều kiện của việc tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội

Hành vi được thừa nhận là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội phải có đầy đủ các điều kiện khách quan và chủ quan. Khi có đủ điều kiện ấy thì

người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự.

- Điều kiện khách quan để thừa nhận là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là không thực hiện tội phạm đến cùng, tuy không có gì ngăn cản. Điều kiện này đòi hỏi người phạm tội đang còn điều kiện thực hiện tội phạm như công cụ, phương tiện phạm tội có hiệu nghiệm, người phạm tội không bị phát hiện hoặc điều kiện thuận lợi khác để thực hiện tội phạm trót lọt. Việc chấm dứt tội phạm phải xảy ra ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội hoặc ở giai đoạn phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành.

Chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành là những trường hợp người phạm tội mới tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc chưa thực hiện hết các hành vi khách quan được quy định trong cấu thành tội phạm, do vậy hậu quả của tội phạm chưa xảy ra cho xã hội. Trong lúc này, người phạm tội không tiếp tục thực hiện tội phạm nữa, đây là điều kiện tiên quyết cho việc tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội.

Nếu người phạm tội chấm dứt hành vi của mình ở giai đoạn phạm tội hoàn thành hoặc giai đoạn phạm tội chưa đạt nhưng đã hoàn thành thì không được thừa nhận là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội vì họ đã thực hiện hết các hành vi khách quan của cấu thành tội phạm do điều luật quy định.

- Điều kiện chủ quan: Người phạm tội phải chấm dứt việc phạm tội một cách tự nguyện và dứt khoát, triệt để. Sự chấm dứt hành vi phạm tội dứt khoát thể hiện ở việc từ bỏ hẳn, chấm dứt hẳn tội phạm. Trường hợp người phạm tội chỉ chấm dứt tạm thời, chờ thời cơ thuận lợi lại tiếp tục phạm tội không được coi là dứt khoát. Người phạm tội phải tự mình chấm dứt hành vi phạm tội, việc chấm dứt hoàn toàn tự nguyện, tự giác chứ không phải vì lý do bị ngăn cản. Pháp luật không quy định nguyên nhân dẫn đến chấm dứt tội phạm, do vậy người phạm tội có thể chấm dứt hành vi phạm tội bởi bất kỳ nguyên nhân nào như thương người bị hại, sợ trừng phạt, hối hận...v.v

c. Trách nhiệm hình sự đối với việc nửa chừng chấm dứt việc phạm tội

Người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự về tội định phạm vì họ đã từ bỏ hẳn ý định phạm tội khi họ không có bất kỳ sự ngăn cản nào. Điều đó chứng tỏ họ không còn nguy hiểm cho xã hội nữa. Tuy nhiên khi tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội, người chấm dứt chỉ được miễn trách nhiệm hình sự về tội định phạm. Nếu hành vi thực tế của họ ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội hoặc ở giai đoạn phạm tội chưa đạt, chưa hoàn thành đã có đủ dấu hiệu cả các yếu tố cấu thành tội phạm khác thì họ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm đó, họ chỉ được miễn trách nhiệm hình sự về tội định phạm chứ không được miễn trách nhiệm hình sự về tội phạm khác mà họ đã phạm ở giai đoạn chuẩn bị hoặc giai đoạn chưa đạt, chưa hoàn thành.

1.1.2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu các giai đoạn thực hiện tội phạm

Tội phạm có thể được thực hiện trong một hành vi phạm tội xảy ra cùng một lúc hợp thành một cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, hoạt động phạm tội diễn ra trong một khoảng thời gian tương đối dài. Trong khoảng thời gian đó, người phạm tội thực hiện dự định phạm tội của mình theo từng giai đoạn nhất định.

Việc phát hiện, làm sáng tỏ các giai đoạn thực hiện tội phạm nhằm đảm bảo nguyên tắc công bằng trong pháp luật hình sự Việt Nam. Nguyên tắc công bằng là tư tưởng mang tính chỉ đạo, định hướng được quán triệt xuyên suốt, trong quá trình xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự nước ta. Nguyên tắc công bằng thể hiện ở hai phương diện: Công bằng giữa những người phạm tội và tương xứng giữa biện pháp trách nhiệm hình sự với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của người phạm tội.

Việc nghiên cứu, xác định đúng các giai đoạn thực hiện tội phạm có ý nghĩa quan trọng đối với việc phân biệt tội phạm hoàn thành với tội phạm

chưa hoàn thành, đối với việc định tội danh hành vi phạm tội, cũng như đối với việc xác định mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi đã được thực hiện và nhân thân người phạm tội. Bởi vì, thông thường tội phạm hoàn thành nguy hiểm hơn tội phạm chưa đạt, còn phạm tội chưa đạt nguy hiểm hơn chuẩn bị phạm tội. Ngoài ra, việc xác định giai đoạn cụ thể của việc thực hiện tội phạm là cơ sở cho việc cá thể hóa hình phạt đối với người phạm tội.

Việc phát hiện, làm sáng tỏ các giai đoạn thực hiện phạm tội, trước hết là chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt, có ý nghĩa quan trọng đối với việc ngăn chặn gây ra hậu quả thực tế cho các quyền và lợi ích của Nhà nước và cá nhân được pháp luật bảo vệ. Việc ngăn chặn tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị hoặc ở thời điểm bắt đầu thực hiện, nhưng chưa hoàn thành, sẽ khắc phục được việc gây ra hậu quả thực tế.

1.2. Quy định của pháp luật về các giai đoạn thực hiện tội phạm

1.2.1. Khái quát lịch sử lập pháp về các giai đoạn thực hiện tội phạm

1.2.1.1. Giai đoạn sau Cách mạng tháng 8 đến trước khi Bộ luật hình sự năm 1985 có hiệu lực pháp luật

Sau khi Cách mạng tháng 8 thành công, để các quan hệ xã hội có thể tiếp tục duy trì sự ổn định, các văn pháp pháp luật của chế độ cũ được chính quyền cách mạng tiếp tục áp dụng, bên cạnh đó chính quyền cách mạng tiến hành ban hành nhiều văn bản mới trong lĩnh vực luật hình sự. Ngày 10/10/1945, Chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đã ký Sắc lệnh cho phép áp dụng pháp luật của chế độ cũ nhưng Sắc lệnh cũng quy định rằng không chấp nhận các án lệ cũ. Việc ban hành Sắc lệnh của Chủ tịch Chính phủ lâm thời đã mở đầu và định hướng cho việc hình thành và hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam sau này. Trong hoàn cảnh đất nước ta vừa mới đánh đổ sự thống trị của phát xít Nhật để giành lại chính quyền, do còn thiếu kinh nghiệm trong xây dựng pháp luật nên trong suốt quãng thời gian này các

văn bản pháp luật hình sự Việt Nam là một tập hợp các văn bản đơn hành thể hiện dưới nhiều hình thức tên gọi như Sắc lệnh, Thông tư, Điều lệ... Trong khoảng những năm 1970, chính quyền nước Việt Nam đã ban hành một số văn bản pháp luật hình sự có tính pháp điển hóa như Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng vào ngày 30/10/1967; Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa vào ngày 21/10/1970; Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân vào ngày 21/10/1970; Sắc luật số 03/SL của Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam vào ngày 15/3/1976; Pháp lệnh trừng trị tội hối lộ vào ngày 20/5/1981...

Trong giai đoạn này, do hạn chế về kỹ thuật lập pháp, các quy định của pháp luật về các giai đoạn phạm tội không được đề cập một cách rõ ràng mà chỉ được thể hiện qua các điều luật cụ thể, trong những tội phạm cụ thể, có cấu thành tội phạm cụ thể và quy định những hình phạt riêng đối với các tội phạm đó. Theo đó, quy định của pháp luật hình sự về các giai đoạn thực hiện tội phạm từ sau cách mạng tháng 8 đến trước khi Bộ luật hình sự năm 1985 có hiệu lực có thể được rút ra làm các giai đoạn: âm mưu phạm tội; chuẩn bị phạm tội; phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành. Do yêu cầu thực tiễn trong đấu tranh phòng, chống tội phạm trong thời kỳ còn chiến tranh ở nước ta, pháp luật hình sự ở giai đoạn này quy định việc biểu lộ ý định phạm tội là một trong những giai đoạn phạm tội và là tội phạm, ví dụ như trong tội phản cách mạng tại Điều 2 Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng vào ngày 30/10/1967 [4], cụ thể như sau:

“Âm mưu phạm tội và hành động phạm tội đều bị trừng trị”

Tại bản Tổng kết số 452-HS2 ngày 10/8/1970 của Tòa án nhân dân Tối cao về thực tiễn xét xử các tội giết người có giải thích như sau: *“Tội giết người chưa hoàn thành khi người bị nạn chết, đối với trường hợp giết người nhưng không chết, nên thống nhất gọi là giết người chưa đạt”* [20, tr.27].

Như vậy, trong pháp luật thời kỳ này mặc dù chưa có quy định cụ thể về giai đoạn phạm tội chưa đạt nhưng bản Tổng kết trên đã đưa ra một khái niệm về giai đoạn phạm tội chưa đạt, thừa nhận về giai đoạn phạm tội chưa đạt.

Ngoài ra Điều 19 của Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân vào ngày 21/10/1970 [5] còn quy định về việc xử nhẹ hoặc miễn hình phạt đối với tội phạm chưa bị phát giác, chưa ở giai đoạn tội phạm đã hoàn thành với nội dung:

Điều 19: Những trường hợp xử nhẹ hoặc miễn hình phạt

Kẻ nào phạm những tội quy định ở Chương II mà tội phạm thuộc vào một hoặc nhiều trường hợp sau đây thì được xử nhẹ hoặc miễn hình phạt:

Tội phạm chưa bị phát giác mà kẻ phạm tội thành thật thú tội với cơ quan chuyên trách, khai rõ hành động của mình và của đồng bọn... .

Như vậy trong giai đoạn này tuy chưa quy định cụ thể nhưng pháp luật hình sự đã có sự phân hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với từng giai đoạn phạm tội, từ đó bảo vệ được quyền tự do của công dân, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội và quy định trách nhiệm hình sự phù hợp với tính chất và mức độ phạm tội của tội phạm.

1.2.1.2. Giai đoạn Bộ luật hình sự năm 1985 có hiệu lực

Có thể nói, Bộ luật hình sự năm 1985 là sự kết hợp thành tựu 40 năm hoạt động lập pháp của chính quyền cách mạng Việt Nam, là kết quả của quá trình thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm ở nước ta từ năm 1945 đến thời điểm Bộ luật được ban hành. Bộ luật hình sự năm 1985 là một bộ luật thống nhất xác định rõ các quy định liên quan đến tội phạm và hình phạt.

Về quy định về các giai đoạn phạm tội, Bộ luật hình sự năm 1985 quy định có trách nhiệm hình sự hay không có trách nhiệm hình sự đối với giai đoạn chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt của các tội phạm cố ý, điều này thể hiện sự phân hóa trong trách nhiệm hình sự của tội phạm chưa hoàn thành

so với tội phạm đã hoàn thành. Chỉ có những người có hành vi chuẩn bị phạm tội, tội gây nguy hại lớn cho xã hội mà được Luật hình sự quy định là tội nghiêm trọng mới phải chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, so với các giai đoạn phạm tội khác thì chuẩn bị phạm tội có mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp nhất và chuẩn bị phạm tội ít nghiêm trọng ít nguy hiểm hơn chuẩn bị phạm tội tội nghiêm trọng. Cụ thể:

Điều 15 Bộ luật hình sự năm 1985 đã quy định:

Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện cần thiết khác để thực hiện tội phạm.

Người chuẩn bị phạm một tội nghiêm trọng phải chịu trách nhiệm hình sự.

Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội.

Đối với những hành vi chuẩn bị phạm tội và hành vi phạm tội chưa đạt, hình phạt được quyết định theo các Điều của Bộ luật này về các tội phạm tương ứng, tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, mức độ thực hiện ý định phạm tội và những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng [14] .

Tuy nhiên, theo Điều 15 Bộ luật hình sự năm 1985 thì người chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự về cùng một tội danh, theo cùng một điều luật và trong cùng một phạm vi chế tài như trường hợp tội phạm hoàn thành, điều đó chưa tạo được cơ sở pháp lý đầy đủ để phân hóa trách nhiệm hình sự đối với các hành vi thực hiện tội phạm ở các mức độ khác nhau cho tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, trong đó các hành vi thực hiện tội phạm ở các mức độ khác nhau và có mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau. Sự phân hóa trách nhiệm hình sự đối với chuẩn bị phạm tội của một loại tội cố ý chỉ có thể thực hiện được một

cách triệt để nếu đảm bảo được nguyên tắc tương xứng giữa mức độ trách nhiệm hình sự cần xác định với mức độ nguy hiểm của hành vi đó. Theo đó, để tương xứng với mức độ nguy hiểm của các hành vi thực hiện một tội phạm có ý ở các mức độ khác nhau thì rõ ràng thông qua các quy định của mình, Luật hình sự phải thể hiện được nguyên tắc xử lý là chuẩn bị phạm tội bị xử nhẹ hơn các giai đoạn phạm tội khác (nếu có các tình tiết khác tương đương).

Như vậy, đối với tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội, Bộ luật hình sự năm 1985, tuy đã thể hiện được sự phân hóa hợp lý trong quy định về xác lập trách nhiệm hình sự nhưng vẫn chưa thể hiện được sự phân hóa hợp lý trong quy định về xác định trách nhiệm hình sự.

1.2.1.3. Giai đoạn Bộ luật hình sự năm 1999 có hiệu lực

Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung ngày 19/6/2009) là Bộ luật hình sự hiện hành của Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Theo đó, Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 đã khắc phục được một số nhược điểm về quy định đối với tội phạm chưa hoàn thành. Điều 15 được thay thế bằng ba điều luật khác nhau quy định riêng là:

+ Điều 17 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm.

Người chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc một tội đặc biệt nghiêm trọng, thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội định thực hiện [15].

+ Điều 18 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định : phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội. Người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt [15].

Những quy định này cụ thể hơn, mang tính khoa học hơn. Có thể nói, Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 được quy định khá khoa học khi tách

riêng phần trách nhiệm hình sự ra khỏi các khái niệm thành một điều độc lập. Đồng thời, tách phần quy định về trách nhiệm hình sự ra các khoản là nguyên tắc chung của việc quyết định hình phạt đối với tội phạm chưa hoàn thành (khoản 1 Điều 52), nguyên tắc quyết định hình phạt đối với chuẩn bị phạm tội (khoản 2 Điều 52), và đối với phạm tội chưa đạt (khoản 3 Điều 52).

Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 quy định "*Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt*" tại Điều 52 như sau:

Đối với hành vi chuẩn bị phạm tội và hành vi phạm tội chưa đạt, hình phạt được quyết định theo các điều của Bộ luật này về các tội phạm tương ứng tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, mức độ thực hiện ý định phạm tội và những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng.

Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là không quá hai mươi năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định.

Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì chỉ có thể áp dụng các hình phạt này trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định [15].

Mặc dù Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 đã phần nào khắc phục được nhược điểm của Điều 15 Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985, nhưng nó vẫn còn tồn tại những vấn đề cần được khắc phục. Chẳng hạn, nếu quy định như Điều 52 thì nhiều trường hợp áp dụng Điều này hình phạt sẽ là quá nghiêm khắc cho người có hành vi chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt [18, tr.52]. PGS.TS. Lê Thị Sơn lấy ví dụ khoản 1 Điều 93 để chứng minh

cho việc áp dụng hình phạt quá nghiêm khắc cho người phạm tội chưa hoàn thành. Tác giả cho rằng chế tài áp dụng cho hành vi giết người theo khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự là hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình; và theo quy định của khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự thì hành vi chuẩn bị giết người theo khoản 1 Điều 93 sẽ phải chịu hình phạt tù từ 12 đến 20 năm. Khung hình phạt này lại là khung hình phạt thường được áp dụng để quyết định hình phạt cho các trường hợp giết người hoàn thành được quy định tại khoản 1 Điều 93. Và như vậy, thì quá nghiêm khắc với hành vi chuẩn bị phạm tội. Về quan điểm này có nhiều ý kiến không đồng tình. Bởi vì:

Nếu như cho rằng trách nhiệm hình sự đối với tội phạm chưa hoàn thành được xác định theo điều tương ứng tại Phần các tội phạm về tội phạm hoàn thành thì có nghĩa là người thực hiện tội phạm chưa hoàn thành nhất thiết phải bị trừng trị theo hình phạt do luật quy định đối với tội phạm hoàn thành tương ứng là hoàn toàn sai lầm vì đối với tội phạm chưa hoàn thành thì hình phạt không phải là dạng duy nhất của trách nhiệm hình sự và đồng thời cũng không phải là hình thức duy nhất để thực hiện trách nhiệm hình sự, bởi vì ngoài hình phạt ra còn có các biện pháp cưỡng chế về hình sự khác - các dạng khác của trách nhiệm hình sự (như các biện pháp tư pháp chung, các biện pháp tư pháp có tính chất giáo dục người chưa thành niên phạm tội, án treo, miễn hình phạt, hoãn chấp hành hình phạt...) và các hình thức thực hiện trách nhiệm hình sự khác không dẫn đến hậu quả là án tích (như chỉ áp dụng các biện pháp tư pháp chung hoặc các biện pháp tư pháp có tính chất giáo dục đối với người chưa thành niên phạm tội) [1, tr.58-59]. Hơn nữa: Khi trách nhiệm hình sự nói chung (chứ không phải chỉ có hình phạt nói riêng) đối với tội phạm chưa hoàn thành được xác định theo điều tương ứng tại Phần các tội phạm về tội phạm hoàn thành và viện dẫn Điều về chuẩn bị phạm tội hoặc Điều về phạm tội chưa đạt tại Phần chung Bộ luật hình sự, thì theo nguyên tắc

cá thể hóa trách nhiệm hình sự - rõ ràng là mức độ trách nhiệm hình sự đối với tội phạm chưa hoàn thành của người phạm tội sẽ giảm đáng kể (nhất là đối với hành vi chuẩn bị phạm tội) chứ không được hiểu sai là nó bằng mức độ trách nhiệm hình sự đối với tội phạm hoàn thành mà người đó thực hiện [1, tr.59].

Theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 Bộ luật hình sự, ta thấy nguyên tắc của việc định trách nhiệm hình sự đối với hành vi chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt như sau:

Đối với hành vi chuẩn bị phạm tội. Muốn xác định một hành vi chuẩn bị phạm tội có phải chịu trách nhiệm hình sự hay không phải dựa vào quy định tại Phần các tội phạm và Điều 17 Bộ luật hình sự. Ví dụ muốn xác định xem một người đã thực hiện hành vi chuẩn bị công cụ, phương tiện để thực hiện tội phạm có phải chịu trách nhiệm hình sự hay không, thì trước hết phải xác định xem tội người đó định xâm phạm là tội gì, tội đó thuộc loại tội phạm nào: ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hay đặc biệt nghiêm trọng. Sau đó quay lại Điều 17 của Phần chung Bộ luật hình sự, xem là người đó có phải chịu trách nhiệm hình sự hay không.

Đối với hành vi phạm tội chưa đạt, trách nhiệm hình sự được xác định theo Điều tương ứng tại Phần các tội phạm về tội phạm hoàn thành với sự viện dẫn về hành vi phạm tội chưa đạt tại Điều 18, Phần chung Bộ luật hình sự. Như vậy, là phải dựa vào cả các Điều luật về hành vi phạm tội chưa đạt quy định ở Phần các tội phạm và cả Điều 18 về phạm tội chưa đạt tại Phần chung Bộ luật hình sự.

1.2.2. Các giai đoạn thực hiện tội phạm trong luật hình sự một số nước

Pháp luật hình sự Việt Nam và pháp luật hình sự trên thế giới đều có chung mục đích là bảo vệ công lý, giữ vững chế độ chính trị, bảo vệ đất nước,

đảm bảo quyền con người. Tuy nhiên, ở mỗi nước lại có cách nhìn nhận riêng, quy định riêng, có phần giống và cũng có phần khác nhau trong mỗi điều luật. Để có nhận thức toàn diện và bao quát hơn, qua đó có thể đánh giá, đối chiếu với pháp luật hình sự ở Việt Nam, chúng tôi đi sâu nghiên cứu pháp luật của các nước và nhận thấy sự đa dạng trong pháp luật về các giai đoạn thực hiện tội phạm trên thế giới.

a. Bộ luật hình sự Liên bang Nga

Liên bang Nga là quốc gia có lịch sử pháp luật hình sự lâu đời với nhiều quan điểm phong phú. Bộ luật hình sự Liên bang Nga, được Duma quốc gia thông qua ngày 24/05/1996, sửa đổi năm 2010 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự Liên bang Nga). Khoa học luật hình sự Liên bang Nga từ trước đến nay có nhiều quan điểm khác nhau về các giai đoạn phạm tội. Điểm đáng ghi nhận là trong Bộ luật hình sự nước này có một chương riêng về Tội phạm chưa hoàn thành (Chương 6) với các Điều luật cụ thể như:

- Điều 29 quy định về tội phạm hoàn thành và chưa hoàn thành;
- Điều 30 quy định về chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt;
- Điều 31 quy định về tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội.

** Giai đoạn chuẩn bị phạm tội*

Theo Bộ luật hình sự Liên bang Nga tại khoản 1 Điều 30 quy định khái niệm:

Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn phương tiện, công cụ phạm tội, tìm kiếm những người đồng phạm, bàn bạc thực hiện việc tội phạm hoặc cố ý tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm nhưng tội phạm không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội [24].

Khái niệm về chuẩn bị phạm tội mà Bộ luật hình sự Liên bang Nga quy định, cũng giống như khái niệm về chuẩn bị phạm tội của Bộ luật hình sự

Việt Nam quy định tại Điều 17. Các dấu hiệu giống nhau như: tìm kiếm, sửa soạn hoặc chuẩn bị phương tiện hoặc công cụ phạm tội; hay tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm. Trong Bộ luật hình sự Liên bang Nga còn thêm phần sau của khái niệm là các dấu hiệu như: Tìm kiếm những người đồng phạm, bàn bạc việc thực hiện tội phạm. Khái niệm này cũng làm rõ ý: Tội phạm không thực hiện được do hoàn cảnh khách quan. Như vậy, nội dung cơ bản của khái niệm chuẩn bị phạm tội của Bộ luật hình sự Việt Nam và Liên bang Nga là tương đối giống nhau, dù câu chữ có khác nhau, nhưng mục đích, quan điểm của nhà làm luật là cơ bản giống nhau.

Khái niệm về chuẩn bị phạm tội của luật hình sự Liên bang Nga nêu trên đã thể hiện được đầy đủ ý như "*tìm kiếm đồng phạm*"; "*bàn bạc thực hiện tội phạm*"; hay "*tội phạm nhưng tội phạm không thực hiện được do hoàn cảnh khách quan*". Như vậy, khái niệm đã làm rõ được giai đoạn chuẩn bị phạm tội, và là giai đoạn đầu của hoạt động phạm tội sơ bộ. Khái niệm cũng đã thể hiện được phần "*lý do khách quan*" mà tội phạm không được thực hiện. Đây là những dấu hiệu cần được làm rõ mà hiện nay trong Bộ luật hình sự Việt Nam chưa được ghi nhận. Chúng tôi cho rằng, nhà làm luật nước ta cần ghi nhận những dấu hiệu này trong Bộ luật hình sự sửa đổi tới đây.

Về trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với tội phạm chưa hoàn thành ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội, khoản 2 Điều 30 của Bộ luật hình sự Liên bang Nga quy định: "*Chuẩn bị phạm tội chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng*" [24]. Theo đó, các tội có mức hình phạt cao nhất từ 5 năm tù trở lên hoặc hình phạt nghiêm khắc hơn. So với quy định này của Bộ luật hình sự Liên bang Nga thì Bộ luật hình sự Việt Nam có phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của người chuẩn bị phạm tội hẹp hơn, vì theo Bộ luật hình sự Việt Nam, hành vi chuẩn bị phạm tội có mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội đó từ trên 7 năm tù trở lên, tù chung thân hoặc

tử hình thì phải chịu trách nhiệm hình sự, còn hành vi chuẩn bị phạm tội ở một tội có mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội đó là không quá 7 năm tù thì không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Ngoài ra, Điều 66 Bộ luật hình sự Liên bang Nga có quy định về quyết định hình phạt đối với phạm tội chưa đạt, trong đó quy định về trường hợp chuẩn bị phạm tội như sau: 1) Khi quyết định hình phạt đối với phạm tội chưa đạt phải cân nhắc các tình tiết làm cho tội phạm không được thực hiện đến cùng; 2) Thời hạn và mức hình phạt đối với việc chuẩn bị phạm tội không vượt quá 1/2 thời hạn mức hình phạt [24].

** Giai đoạn phạm tội chưa đạt*

Tương tự, tại khoản 3 Điều 30 Bộ luật hình sự Liên bang Nga quy định: "Phạm tội chưa đạt là những hành động (hoặc không hành động) cố ý của một người trực tiếp nhằm thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội" [24]. Như vậy, khái niệm phạm tội chưa đạt trên tương tự như quy định về phạm tội chưa đạt trong Bộ luật hình sự Việt Nam, nhưng trong đó chỉ ra hai dạng của hành vi là hành động hoặc không hành động.

Quy định về trách nhiệm hình sự đối với phạm tội chưa đạt của Bộ luật hình sự Liên bang Nga khá giống như Bộ luật hình sự Việt Nam khi không đặt ra vấn đề giới hạn những trường hợp phải chịu trách nhiệm hình sự mà quy định mọi trường hợp phạm tội chưa đạt đều phải chịu trách nhiệm hình sự, không kể tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng hay tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Điều 66 Bộ luật hình sự Liên bang Nga quy định mức hình phạt quyết định đối với hành vi phạm tội chưa đạt không vượt quá 3/4 mức hình phạt trong khung hình phạt đối với tội phạm đã hoàn thành, không áp dụng hình phạt tử hình và tù chung thân đối với người phạm tội chưa đạt (tại khoản 3 và

khoản 4).

Như vậy, về cơ bản, Bộ luật hình sự Liên bang Nga giống với Bộ luật hình sự Việt Nam ở mức hình phạt quyết định đối với hành vi phạm tội chưa đạt áp dụng cho hình phạt tù có thời hạn là không vượt quá 3/4 mức hình phạt mà điều luật quy định. Tuy nhiên, trong Bộ luật hình sự Liên bang Nga lại không áp dụng hai hình phạt nghiêm khắc nhất là hình phạt tử hình và hình phạt tù chung thân đối với người có hành vi phạm tội chưa đạt. Theo Bộ luật hình sự Việt Nam thì trường hợp điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì có thể áp dụng các hình phạt này trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng.

Ngoài ra, Bộ luật hình sự Liên bang Nga cũng có quy định trách nhiệm hình sự đối với tội phạm chưa hoàn thành tại một khoản riêng: "Trách nhiệm hình sự đối với tội phạm chưa hoàn thành được quy định trong điều luật quy định trách nhiệm hình sự đối với phạm tội hoàn thành và viện dẫn Điều 30 Bộ luật hình sự này" [24].

b. Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Pháp luật hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa có quy định về tội phạm chưa hoàn thành, tuy nhiên khái niệm khá ngắn gọn. Bộ luật hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ II, ngày 01/7/1979, có hiệu lực từ ngày 01/01/1980. Luật sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự này được sửa đổi vào năm 1997, có hiệu lực từ ngày 01/10/1997. Từ sau năm 1997, Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được sửa đổi, bổ sung vào năm 1999, 2001, 2002, 2005 và gần đây là 2009 tại Hội nghị lần thứ 16 của Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa).

Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thể hiện nội dung về tội phạm chưa hoàn thành như sau:

** Giai đoạn chuẩn bị phạm tội*

Bộ luật hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định ngắn gọn về chuẩn bị phạm tội như sau: "Chuẩn bị phạm tội là sửa soạn công cụ, tạo ra những điều kiện cần thiết để thực hiện tội phạm" [9, tr.46]. So với khái niệm về chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự Việt Nam thì Bộ luật hình sự của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa không nói đến các từ "tìm kiếm" và "phương tiện".

Về trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với tội phạm chưa hoàn thành của Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định việc chuẩn bị phạm tội bị xử lý nhẹ hơn phạm tội chưa đạt và phạm tội chưa đạt bị xử lý nhẹ hơn tội phạm hoàn thành. Quy định nhẹ nhất là có thể miễn hình phạt và có thể quyết định hình phạt cho chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho trường hợp tội phạm hoàn thành. Điều 22 Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định: "Đối với những hành vi chuẩn bị phạm tội có thể quyết định hình phạt giảm nhẹ, giảm khung hình phạt hoặc miễn hình phạt" [9]. Theo đó, Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa coi chuẩn bị phạm tội là các tình tiết có tính chất giảm nhẹ, giảm khung hình phạt, hoặc miễn hình phạt theo quy định của Điều 63 Bộ luật hình sự này là quyết định hình phạt nhẹ hơn mức tối thiểu của khung hình phạt. Trong khi đó, Bộ luật hình sự Việt Nam không coi chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và khi quyết định hình phạt, Tòa án không được quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật hình sự (Điều 47) khi có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự Việt Nam.

Như vậy quy định trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với chuẩn bị phạm tội của Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa là khác hẳn so với Bộ luật hình sự Việt Nam.

** Giai đoạn phạm tội chưa đạt*

Tương tự, Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định về khái niệm đối với phạm tội chưa đạt như sau: "Phạm tội chưa đạt là đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa thực hiện đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội" [9, tr.46].

Điều 23 Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định: "... đối với phạm tội chưa đạt có thể quy định hình phạt nhẹ hơn so với tội phạm hoàn thành hoặc quyết định hình phạt nhẹ hơn" [9]. Quyết định một hình phạt nhẹ tại Điều 23 Bộ luật hình sự là quyết định hình phạt nhẹ hơn mức tối thiểu của khung hình phạt.

Như vậy, về trách nhiệm hình sự và hình phạt, Bộ luật hình sự Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa không quy định cụ thể về mức độ giảm nhẹ của hình phạt áp dụng cho các trường hợp phạm tội chưa hoàn thành, nhưng cũng có quy định cụ thể về hành vi phạm tội chưa đạt là bị xử lý nặng hơn chuẩn bị phạm tội và bị xử lý nhẹ hơn so với tội phạm hoàn thành. Bộ luật hình sự này quy định hình phạt cho phạm tội chưa đạt có thể ở dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định cho tội phạm hoàn thành.

Tóm lại, Bộ luật hình sự Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa coi phạm tội chưa đạt là một trong hai trường hợp phạm tội có tình tiết giảm nhẹ nên cũng được xử lý, thể hiện ở quy định có thể xử lý nhẹ cho trường hợp này dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định cho tội phạm hoàn thành. Tuy nhiên, cụ thể hóa trách nhiệm hình sự đối với phạm tội chưa đạt lại chưa thật rõ ràng so với Bộ luật hình sự Việt Nam.

Kết luận Chương 1

Tóm lại việc phát hiện, làm sáng tỏ các giai đoạn thực hiện tội phạm là nhằm đảm bảo nguyên tắc công bằng trong pháp luật hình sự Việt Nam. Nguyên tắc công bằng là tư tưởng mang tính chỉ đạo, định hướng được quán triệt xuyên suốt, trong quá trình xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự nước ta. Nguyên tắc công bằng thể hiện ở hai phương diện: Công bằng giữa những người phạm tội và tương xứng giữa biện pháp trách nhiệm hình sự với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của người phạm tội. Việc nghiên cứu, xác định đúng các giai đoạn thực hiện tội phạm có ý nghĩa quan trọng đối với việc phân biệt tội phạm hoàn thành với tội phạm chưa hoàn thành, đối với việc định tội danh hành vi phạm tội, cũng như đối với việc xác định mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi đã được thực hiện và nhân thân người phạm tội và việc phát hiện, làm sáng tỏ các giai đoạn thực hiện phạm tội có ý nghĩa quan trọng đối với việc ngăn chặn gây ra hậu quả thực tế cho các quyền và lợi ích của Nhà nước và cá nhân được pháp luật bảo vệ. Việc ngăn chặn tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị hoặc ở thời điểm bắt đầu thực hiện, nhưng chưa hoàn thành, sẽ khắc phục được việc gây ra hậu quả thực tế.

CHƯƠNG 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN TỘI PHẠM TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Hàng năm, Tòa án nhân dân hai cấp thành phố Đà Nẵng có phân tích số liệu tình hình thụ lý, giải quyết án hình sự, tuy nhiên chưa có sự thống kê về các vụ án, các bị cáo đã xét xử về tội phạm chưa hoàn thành. Việc chưa tiến hành thống kê số liệu về tội phạm chưa hoàn thành do nhiều nguyên nhân xuất phát từ thực tiễn của việc thống kê, số lượng tội phạm ở giai đoạn chưa hoàn thành (chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt) còn khá thấp so với tội phạm ở giai đoạn hoàn thành. Vì vậy, thông qua phương pháp điều tra án điển hình, thực hiện việc nghiên cứu các bản án hình sự trong thực tiễn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng để đưa ra được những nhận xét khách quan và tương đối hoàn chỉnh về thực tiễn các vụ án đã xét xử đối với các giai đoạn thực hiện tội phạm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Cụ thể qua nghiên cứu 100 bản án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 đến năm 2015 đã cho thấy tỷ lệ bản án của tội phạm chưa hoàn thành so với tội phạm đã hoàn thành như sau:

Bảng 2.1. So sánh tỷ lệ bản án của tội phạm chưa hoàn thành so với tội phạm đã hoàn thành thông qua nghiên cứu 100 bản án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 đến năm 2015

100 bản án hình sự của TAND hai cấp TP Đà Nẵng		
	Tội phạm chưa hoàn thành	Tội phạm hoàn thành
Số vụ	8	92
Tỷ lệ	8%	92%

Trong 08 bản án hình sự về tội phạm chưa hoàn thành thì tội phạm đã bị xét xử về những tội sau:

Bảng 2.2. So sánh tỷ lệ các tội phạm cụ thể trong 08 bản án hình sự về tội phạm chưa hoàn thành

Tội phạm chưa hoàn thành (Số lượng: 08 bản án)			
Tội danh	Số lượng bản án	Tỷ lệ %	Điều luật áp dụng
Tội giết người	05	62.5	93
Tội trộm cắp tài sản	02	25	138
Tội hiếp dâm trẻ em	01	12.5	112

Qua phân tích các vụ án điển hình nêu trên đã cho thấy tỷ lệ các vụ án hình sự trong giai đoạn tội phạm chưa hoàn thành được đưa ra xét xử còn khá thấp so với các vụ án trong giai đoạn tội phạm hoàn thành. Trong đó tội phạm chưa hoàn thành chủ yếu được áp dụng đối với Tội giết người - Điều 93, Tội trộm cắp tài sản - Điều 138 và Tội hiếp dâm trẻ em - Điều 112 của Bộ luật hình sự và đều do người phạm tội chưa thực hiện được đến cùng bởi những nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn của người phạm tội.

2.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật đối với các giai đoạn thực hiện tội phạm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

2.1.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật đối với giai đoạn chuẩn bị phạm tội

** Thông qua đánh giá khảo sát, điều tra án điển hình*

Trong 08 bản án hình sự về tội phạm chưa hoàn thành (qua nghiên cứu 100 bản án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 đến năm 2015) thì tỷ lệ các bản án mà tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội được thể hiện như sau:

Bảng 2.3. Tỷ lệ giai đoạn chuẩn bị phạm tội trong 08 bản án hình sự về tội phạm chưa hoàn thành

Tội phạm chưa hoàn thành (Số lượng: 08 bản án)		
Giai đoạn phạm tội	Số lượng bản án	Tỷ lệ
Chuẩn bị phạm tội	0	0%

Như vậy, qua nghiên cứu 100 bản án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 đến năm 2015 thì không có vụ án nào mà Tòa án xét xử tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội. Qua khảo sát ngẫu nhiên từ những người tiến hành tố tụng tại thành phố Đà Nẵng (10 Thẩm phán cấp tỉnh, 10 Thẩm phán cấp huyện, 10 Kiểm sát viên, 10 Điều tra viên) cho thấy các vụ án được đưa ra xét xử ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội trên địa bàn thành phố trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015 là không có, phần lớn cho rằng nguyên nhân là do có nhiều khó khăn trong việc chứng minh hành vi phạm tội, người phạm tội không thừa nhận mục đích các hành vi chuẩn bị phạm tội của mình, việc đánh giá từ phía các cơ quan tiến hành tố tụng trong chuẩn bị của tội phạm còn chưa chính xác và trong thực tiễn thì người phạm tội ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội thường bị các cơ quan Công an xử lý hành chính.

2.1.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật đối với giai đoạn phạm tội chưa đạt

Thông qua phương pháp điều tra án điển hình, thực hiện việc nghiên cứu các bản án hình sự trong thực tiễn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Trong 08 bản án hình sự về tội phạm chưa hoàn thành (qua nghiên cứu 100 bản án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 đến năm 2015) thì các giai đoạn thực hiện tội phạm trong tội phạm chưa hoàn thành được thể hiện như sau:

Bảng 2.4. So sánh tỷ lệ giai đoạn chuẩn bị phạm tội so với giai đoạn phạm tội chưa đạt trong 08 bản án hình sự về tội phạm chưa hoàn thành

Tội phạm chưa hoàn thành (Số lượng: 08 bản án)		
Các giai đoạn	Số lượng bản án	Tỷ lệ
Chuẩn bị phạm tội	0	0%
Phạm tội chưa đạt	08	100%

Như vậy, qua nghiên cứu 100 bản án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 đến năm 2015 thì có 08 vụ án mà Tòa án 2 cấp xét xử tội phạm ở giai đoạn phạm tội chưa đạt. Trong số các bản án hình sự về tội phạm chưa hoàn thành thì các bản án mà tội phạm ở giai đoạn phạm tội chưa đạt có tỷ lệ tuyệt đối 08/08 vụ (100%), tuy nhiên so với giai đoạn tội phạm đã hoàn thành thì có tỷ lệ rất thấp. Bên cạnh đó, phạm tội chưa đạt chỉ được áp dụng đối với các tội là tội giết người, tội trộm cắp tài sản và tội hiếp dâm trẻ em.

Có thể lấy một vài ví dụ cụ thể đối với trường hợp phạm tội chưa đạt bằng một vài bản án cụ thể như sau:

Ví dụ 1: Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2013/HSST ngày 14/12/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Tài phạm tội “*Giết người*”.

Nội dung vụ án như sau: Nguyễn Văn Tài và Nguyễn Thị Ly có quan hệ yêu đương từ Tết Nguyên Đán năm 2012 đến khoảng tháng 4/2013 thì chị Ly nói chia tay vì đã có người yêu khác. Tài tỏ ra buồn bã, thất vọng và chờ ngày xuất ngũ tìm Ly để hỏi lý do. Ngày 23.5.2013, Tài ra quân, về lại Quảng Trị một ngày. Đến 25.5.2013, Tài vào Đà Nẵng tìm gặp Ly.

Theo sự hướng dẫn của Ly, khoảng 11 giờ ngày 25.05.2013, Tài nhờ Đinh Văn Quân chở tìm gặp Ly tại K132 Lý Tự Trọng - Tp. Đà Nẵng nhưng không có địa chỉ này. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày Quân tiếp tục chở Tài đi

tìm Ly, khi đi ngang qua siêu thị BigC Tp. Đà Nẵng, Tài bảo Quân dừng xe đứng chờ, Tài vào chợ gần siêu thị mua 02 con dao (*dạng dao xếp, có cán bằng nhựa dài 11cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 10cm*) lặn vào hai bên túi quần, sau đó bảo Quân chở đến quán café Linda tại số 207 đường Phan Thanh, gần nơi trọ cũ của Ly thì gặp Ly. Tại đây, Tài ngồi nói Ly tìm nơi vắng vẻ nói chuyện riêng tư. Ly không đồng ý nên Tài ngồi chờ. Đến khoảng 17h cùng ngày, Ly nghỉ làm việc về nhà trọ của mình tại K132/2 đường Phan Thanh thì Tài đi theo. Thấy vậy, Ly không vào phòng trọ của mình mà đi sang phòng bên cạnh. Trong phòng lúc này tại phòng trọ có: Trương Thị Phước Hiền, Nguyễn Thị Tố Trinh, Võ Thị Ly Na, Trần Thị Kim Phượng. Sau khi Ly giới thiệu Tài với mọi người, Ly và Tài ngồi chơi khoảng 10 phút thì Tài nói mọi người đi ra ngoài để Tài nói chuyện riêng với Ly. Mọi người ra ngồi chơi trước cửa phòng. Ly và Tài ngồi nói chuyện khoảng 15 phút, bất ngờ Tài rút dao đã chuẩn bị sẵn từ trong túi quần ra đâm nhiều nhát vào người Ly làm Ly ngã nằm ngửa trên giường, Ly la hét kêu cứu. Các chị Phượng, Hiền, Na, Trinh và chủ nhà trọ là ông Nguyễn Văn Tơ chạy vào thì thấy Tài ngồi xồm trên giường đang chồm người lên dùng dao nhọn đâm liên tục vào người Ly, Ly nằm ngửa trên giường dùng hai tay chống đỡ và nghiêng người qua lại để tránh né lưỡi dao. Mọi người la hét gọi Công an nhằm gây áp lực với Tài để tìm cách cứu Ly. Tài nghe vậy, quay sang phía ông Nguyễn Văn Tơ, lúc này thì Ly vùng dậy chạy thoát được ra ngoài phòng trọ và chạy đến cổng nhà trọ thì ngất xỉu và được mọi người đưa đi cấp cứu.

Sau khi đâm Ly, Tài cầm theo dao chạy ra trước cửa phòng trọ, dùng dao tự đâm vào cơ thể mình để tự sát nhưng được mọi người xung quanh phát hiện can ngăn và đưa đi cấp cứu.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 285 ngày 30.8.2013 của Trung tâm giám định pháp y Đà Nẵng, xác định thương tích

của Ly gồm:

- Vết thương gian sườn V bên phải, thấu thấu gây tràn máu và tràn khí khoang màng phổi phải.
 - Vết thương gian sườn III đứt một phần cơ lưng rộng.
 - Vết thương vùng bả vai phải sâu nhọn 2cm, gây gãy xương.
 - Vết thương cánh tay trái rách cân cơ.
 - Vết thương ngón I bàn tay trái rách lộ bao khớp.
- Tỷ lệ thương tích được xếp là 34%.

Với nội dung như trên tại Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2013/HSST ngày 14/12/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định.

Áp dụng điểm q khoản 1 điều 93; điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46; Điều 18; Điều 52 BLHS.

Xử phạt: Nguyễn Văn Tài 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 05.6.2013.

Bản án trên đã nhận định: Hậu quả vụ án là người bị hại không chết, chỉ bị thương tích 34% nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt.

Đồng thời áp dụng thêm Điều 18 và Điều 52 BLHS đối với bị cáo khi lượng hình.

Qua ví dụ trên cho thấy việc bị cáo phạm tội chưa đạt là do người bị hại la hét, chống cự và chạy ra ngoài, đồng thời mọi người hô hoán gọi Công an để gây áp lực đối với bị cáo. Do sợ hãi nên bị cáo mới buộc phải chấm dứt hành vi phạm tội của mình. Việc Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đánh giá tính chất mức độ phạm tội, cũng như các tình tiết khác quan của vụ án, nhân thân của bị cáo và tuyên mức án hoàn toàn phù hợp với hành vi mà bị cáo đã gây ra.

Ví dụ 2: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2014/HS-ST ngày 17/3/2014 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm

tuyên bố bị cáo Trần Anh Hào phạm tội “*Hiếp dâm*”.

Nội dung vụ án như sau: khoảng 20 giờ 30 phút ngày 15 tháng 10 năm 2013 sau khi ăn cơm tối tại gia đình xong Trần Anh Hào – sinh năm 1986 – trú tại phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đạp xe đạp đi dạo một mình đến khu vực vắng phía gần chân cầu Thuận Phước thì gặp cháu Vương Tố Lan, sinh ngày 05/11/1998, trú tại phường Thanh Bình, quận Hải Châu, thành phố đang ngồi một mình dọc bờ Sông Hàn. Thấy Lan ngồi một mình nơi vắng vẻ, trong người Hào nổi lên tính dục vọng muốn quan hệ tình dục với Lan. Hào đạp xe lại chỗ Lan ngồi và nói với Lan “em có đi chơi với anh không” ý Hào là rủ Lan quan hệ tình dục, Lan từ chối bảo “em không đi đâu” và đứng dậy bỏ chạy về hướng chân cầu Thuận Phước. Ngay lập tức Hào đạp xe đuổi theo Lan được khoảng 200m thì Hào đuổi kịp Lan, Hào dừng xe đạp lại và nắm tay Lan kéo xuống mép đường dưới gầm chân cầu Thuận Phước cách đường khoảng 20m, Hào ôm vật Lan và nằm sấp đè lên người Lan 02 tay Hào cầm 02 tay của Lan, Hào định cởi quần áo của Hào và Lan ra để quan hệ tình dục nhưng Lan dẩy dụa và la lên “cứu tôi với, cứu tôi với” đúng lúc đó có anh Hoàng Tiến Minh (sinh năm 1983, trú tại phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng) đi xe máy ngang qua tiếng kêu cứu của Lan thì dừng xe lại quay đèn chiếu sáng vào nơi Hào đang ôm vật Lan, do bị phát hiện Hào liền bật dậy bỏ chạy.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2014/HS-ST ngày 17/3/2014 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng áp dụng khoản 1 Điều 112; Điều 18; khoản 1,3 Điều 52; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 xử phạt bị cáo Trần Anh Hào 06 (năm) tù về tội hiếp dâm trẻ em.

Với nội dung trên Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã nhận định bị cáo Trần Anh Hào phạm tội “Hiếp dâm trẻ em” ở giai đoạn phạm tội chưa đạt. Việc bị cáo không thực hiện được đến cùng hành vi của mình là do trở ngại khách

quan ngoài ý muốn của bị cáo. Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xem xét toàn diện các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như quá trình tranh tụng công khai tại phiên tòa để ra bản án đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Sau khi xét xử, vụ án trên không có kháng cáo, kháng nghị và có hiệu lực pháp luật thi hành.

Thực tế trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2015, số lượng các vụ án hình sự mà Tòa án nhân dân hai cấp tại thành phố Đà Nẵng xét xử và áp dụng đối với giai đoạn chuẩn bị phạm tội theo Điều 17 của Bộ luật hình sự là không có. Vì thực tế để xác định và chứng minh một người tìm kiếm, sửa soạn công cụ phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng là rất khó khăn. Do đó, đa số những trường hợp này đều bị cơ quan Công an xử lý hành chính. Đối với những vụ án mà các bị cáo phạm tội ở giai đoạn phạm tội chưa đạt, các Tòa án mà cụ thể là Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã đánh giá đúng tính chất mức độ của hành vi phạm tội, xem xét đến hoàn cảnh, nhân thân của bị cáo để từ đó đưa ra những mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Do đó, các vụ án trên đều được bị cáo và những người tham gia tố tụng khác chấp hành nghiêm túc, không bị kháng cáo, kháng nghị. Điều này cũng tạo nên niềm tin vào công lý và công bằng xã hội, từng bước thể hiện rõ nét năng lực của đội ngũ Thẩm phán hai cấp Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Đồng thời góp phần không nhỏ và nhiệm vụ chính trị của địa phương.

2.1.3. Thực tiễn áp dụng pháp luật đối với giai đoạn tội phạm hoàn thành

Áp dụng pháp luật trong xét xử các loại án nói chung và trong xét xử án hình sự Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nói riêng trong thời gian vừa qua đã góp phần to lớn vào việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho sự phát triển

kinh tế - xã hội của thành phố. Đồng thời, đã kịp thời trừng trị những hành vi phạm tội, răn đe, phòng ngừa, giáo dục mọi công dân có ý thức chấp hành pháp luật.

Thời gian qua, việc áp dụng pháp luật trong xét xử án hình sự của Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp theo Nghị quyết 08-NQ/TW, ngày 02/02/2002 của Bộ Chính trị. Qua đó, đã có những đóng góp tích cực đáng kể trong việc bảo vệ chế độ sở hữu; chế độ quản lý kinh tế, văn hóa xã hội chủ nghĩa, trật tự quản lý hành chính nhà nước. Đồng thời, có những tác động to lớn vào công tác giáo dục ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật của mọi công dân trên địa bàn quận và đạt được những thành tựu to lớn trong việc góp phần bảo vệ các quyền của con người, quyền của công dân trên tất cả các lĩnh vực. Các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người; cướp tài sản; hiếp dâm; mua bán trái phép chất ma túy; vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ... đã được các cơ quan tiến hành tố tụng khởi tố, điều tra, truy và xét xử nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, góp phần quan trọng vào việc giáo dục ý thức tôn trọng pháp luật, răn đe và phòng ngừa tội phạm trong xã hội.

Tuy nhiên, thời gian qua việc áp dụng pháp luật đối với giai đoạn tội phạm hoàn thành của Tòa án nhân dân hai cấp thành phố Đà Nẵng vẫn còn những hạn chế, thiếu sót nhất định, như: cho bị cáo được hưởng án treo không đúng quy định của pháp luật; bỏ lọt tội phạm...dẫn đến việc bị sửa, hủy án.

Ví dụ 1: Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2015/HSST ngày 10/11/2015 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm tuyên bố bị cáo Phùng Thế Châu phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Nội dung vụ án như sau: Khoảng 03h00' ngày 16/4/2015, qua kiểm tra hành chính quán cà phê MP3 tại số 88 Đồng Kè, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, tổ công tác của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an TP Đà Nẵng phối hợp với Cơ quan Công an quận Liên Chiểu phát hiện, bắt quả tang Phùng Thế Châu đang tổ chức đánh bạc dưới hình thức cá độ bóng đá của 02 trận ở giải Cúp UEFA Champions league mùa giải 2014-2015 diễn ra vào cùng 01h45' ngày 16/4/2015 (theo giờ Việt Nam) giữa đội Barcelona với đội Pari Saint Germain và đội Bayern Munich với đội Porto và các trận đấu bóng đá khác của các giải đấu thuộc các quốc gia Châu Âu diễn ra vào khuya 15/4/2015 và rạng sáng ngày 16/4/2015 với Lê Công Tuấn, Đỗ Xuân Thiệu, Nguyễn Minh Nam, Nguyễn Minh Truyền.

Qua điều tra xác định: từ tháng 12/2014 đến khi bị bắt quả tang, Phùng Thế Châu sử dụng quán cà phê MP3 do mình làm chủ và các phương tiện có tại quán như tivi, dàn máy vi tính, điện thoại di động, thiết bị kết nối internet để truy cập các trang mạng. Thông qua việc sử dụng các thông tin trên báo Bóng Đá và máy vi tính kết nối internet để truy cập trang mạng “Bet.69”, “livescore.com” và truyền hình trực tiếp trên tivi các trận đấu diễn ra tại các giải bóng đá ở khu vực Châu Âu. Châu đã tổ chức cá độ bóng đá dưới các hình thức như “Đánh tài xỉu, tỷ số, phạt góc, liên... với nhiều người chơi khác nhau nhằm thu lợi bất chính, cụ thể:

Rạng sáng ngày 19/3/2015, Châu tổ chức đánh bạc bằng hình thức cá độ bóng đá của 02 trận bóng đá ở giải cúp UAFA Champions league mùa giải 2014-2015 giữa đội Barcelona gặp đội Manchester City và đội Borussia gặp đội Juventus; 02 trận đấu khác tại giải Championship của Anh gồm: Trận đấu giữa đội Nottingham Forest gặp đội Rotherham United và đội Fullham gặp đội Leeds United; 01 trận của giải Scottich Cup của Scotland giữa đội Celtic

gặp đội Dundee United với nhiều người chơi và đã thực hiện 34 đợt cá độ với tổng số tiền Châu tổ chức đánh bạc là 15.945.000đ. Trong đó: số tiền thực tế Châu đã nhận của những người chơi cá độ là 8.040.000đ. số tiền đã trả cho người chơi thắng cuộc là 7.905.000đ; số tiền Châu thu lợi bất chính là 135.000đ.

Tối ngày 15/4/2015 và rạng sáng ngày 16/4/2015, Châu tổ chức đánh bạc bằng hình thức cá độ bóng đá 02 trận ở giải cúp UEFA Champions league mùa giải 2014-2015 diễn ra lúc 01h45' ngày 16/4/2015 giữa đội Barcelona với đội Paris Saint Germain và đội Bayern Munich với đội Porto và 06 trận đấu tại các giải đấu khác nhau với 49 đợt cá độ cho 13 người tham gia cá độ thì bị bắt quả tang, số tiền Châu dùng để đánh bạc là 20.790.000đ, trong đó: số tiền ghi trên tờ phôi là 18.250.000đ; số tiền thực tế Châu đã nhận của những người chơi cá độ là 8.420.000đ; số tiền thua cuộc đã chung cho người chơi là 2.540.000đ; số tiền cược Châu còn giữ là 5.880.000đ; số tiền thu lợi bất chính là 1.310.000đ.

Tổng số tiền bị cáo Châu tổ chức đánh bạc chứng minh được là 36.735.000đ, thu lợi bất chính 1.445.000đ.

Với nội dung như trên tại bản án hình sự sơ thẩm số 57/2015/HSST ngày 10/11/2015 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 249; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phùng Thế Châu 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 10/11/2015.

Giao bị cáo về UBND phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1

Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Ngày 25/11/2015, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quyết định kháng nghị số 07/QĐ-KNPT với nội dung: kháng nghị theo trình tự phúc thẩm một phần bản án hình sự sơ thẩm số 57/2015/HSST ngày 10/11/2015 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm theo hướng không áp dụng Điều 60 BLHS để chuyển hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Phùng Thế Châu.

Bản án hình sự phúc thẩm số 09/2016/HSPT ngày 25/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định: Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng: khoản 1 Điều 249; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

Xử phạt: Phùng Thế Châu 18 (mười tám) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Lý do sửa bản án sơ thẩm: Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2014 đến ngày 16/4/2015, bị cáo Phùng Thế Châu đã sử dụng quán cà phê của mình tại 88 Đồng Kè, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu cùng các phương tiện như tivi, dàn máy vi tính, điện thoại di động, thiết bị kết nối internet .. để nhiều lần tổ chức đánh bạc dưới hình thức cá độ bóng đá với nhiều người, với tổng số tiền đánh bạc chứng minh được là 36.735.000đ, thu lợi bất chính 1.445.000đ.

Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp nhiều lần tổ chức cá độ bóng đá với nhiều người trong thời gian dài, nhằm thu lợi bất chính. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “Phạm tội nhiều lần” là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm trật tự công cộng,

gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, làm gia tăng nhiều tội phạm và các tệ nạn xã hội khác. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng là chưa tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, chưa đảm bảo tính răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

Ví dụ 2: Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2016/HSST ngày 28/01/2016 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm tuyên bố bị cáo Đỗ Văn Ngọc phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

Nội dung vụ án như sau: Vào khoảng 15h00’ ngày 28.8.2015, Đỗ Văn Ngọc rủ Phạm Ngọc Ly (sinh năm: 1992), Nguyễn Thế Vinh (sinh năm: 1993) và Phạm Văn Lâm (sinh ngày 16.4.1997), cùng trú tại phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đến nhậu tại quán Trinh thuộc tổ 14, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng do anh Võ Ngọc Đức (sinh năm: 1978) và chị Hoàng Thị Mỹ Trinh (sinh năm: 1981) làm chủ. Đến khoảng 18h30’ cùng ngày thì Ly, Lâm và Vinh về trước, còn Ngọc từng có quan hệ tình cảm với chị Trần Thị Muôn (sinh năm: 1995, trú tại tổ 94, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu) là nhân viên của quán Trinh, nên Ngọc nán lại để nói chuyện hàn huyên với chị Muôn. Chị Muôn không muốn nói chuyện do sợ bị Ngọc đánh, nên vào phòng ngủ ở gần bếp, đóng cửa lại để tránh. Ngọc đi theo và lấy một con dao Thái Lan ở bếp cắt vào trong túi quần của mình, rồi yêu cầu Muôn mở cửa, ra ngoài nói chuyện, nhưng chị Muôn không đồng ý, thì Ngọc đập cửa phòng ngủ xông vào cầm tay của chị Muôn kéo ra khu vực quán. Nghe chị Muôn cầu cứu thì anh Đức và các nhân viên trong quán đến can ngăn, Ngọc rút dao trong túi quần ra đe dọa vừa kéo chị Muôn ra ngoài đường. Khi Ngọc kéo chị Muôn ra khỏi quán thì Ngọc điện thoại cho Phạm Văn Lâm nói “Bị đánh dưới quán Trinh, nhờ đến chở về”. Sau đó, Phạm Văn Lâm nhặt một cây sắt dài khoảng 60cm bọc

trong áo khoác của Lâm, nhét trong yếm xe mô tô hiệu Exciter BKS 43K7-065.17 của Phạm Ngọc Ly và nói với Ly “Ngọc bị đánh dưới quán Trinh”, rồi điều khiển xe chở Ly đến quán Trinh. Khi đến nơi, Lâm và Ly thấy anh Đức cầm đá, còn Ngọc cầm dao và có đông người, nên Ly điều khiển xe chở Lâm, Ngọc bồng Muôn lên xe và kẹp Muôn ở giữa, đồng thời dùng dao dí vào người chị Muôn, để chị Muôn không kêu cứu. Ly điều khiển xe mô tô chở Lâm, chị Muôn và Ngọc chạy đến khu vực phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu thì Ngọc nói dừng lại để Ngọc nói chuyện với Muôn (trên đường đi thì Lâm làm rơi đoạn sắt trên, hiện không thu hồi được). Khi Ly dừng xe lại thì Ngọc và chị Muôn xuống xe, Ngọc dùng tay tát vào mặt chị Muôn và chân đá vào người chị Muôn, rồi nhặt một mảnh vỡ bê tông của chậu hoa đánh vào người chị Muôn, chị Muôn chạy đến lấy con dao trên người Ngọc định tự tử thì Ly đến can ngăn, lấy dao và tát vào mặt chị Muôn. Mọi người đi đường thấy vậy đến can ngăn thì Lâm điều khiển xe mô tô chở Ly, Muôn và Ngọc đến khu vực cầu Tuyên Sơn rồi dừng lại, chị Muôn xuống xe rồi nhảy xuống bờ sông, Ngọc nhảy xuống kéo chị Muôn lên. Lúc này, Ly và Lâm về trước, lực lượng Công an phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu đi tuần tra phát hiện sự việc và mời Ngọc và chị Muôn về làm việc.

Với nội dung như trên tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2016/HSST ngày 28/01/2016 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã quyết định.

Áp dụng Khoản 1 Điều 123; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

Xử phạt: Đỗ Văn Ngọc 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Đối với Phạm Ngọc Ly và Phạm Văn Lâm thì án sơ thẩm nhận định:

Phạm Ngọc Ly có hành vi chở Trần Thị Muôn lên khu vực cầu Tuyên Sơn, thuộc phường Hòa Cường Nam nhưng Ly không biết Ngọc bắt chị Muôn lên xe và ngoài ra Ly còn có hành vi tát chị Muôn nhưng với mục đích để can ngăn không cho hai người đánh nhau và chưa gây ra hậu quả. Hành vi của Ly không cấu thành tội phạm, nên cơ quan điều tra không xử lý đối với Ly là có cơ sở.

Đối với Phạm Văn Lâm có hành vi chuẩn bị cây sắt dài 60 cm đến quán Trinh khi nghe Ngọc nói “Bị đánh ở quán Trinh”, với mục đích để giải vây cho Ngọc, nhưng Lâm không sử dụng đoạn cây sắt này và không biết Ngọc bắt chị Muôn lên xe, hành vi của Lâm không cấu thành tội phạm nên cơ quan điều tra không xử lý đối với Lâm là có căn cứ nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

Ngày 05/02/2016, bị cáo Đỗ Văn Ngọc có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng - xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 24/02/2016 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị số 04/QĐ-KNPT với nội dung:

Kháng nghị theo trình tự phúc thẩm toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2016/HSST ngày 28/01/2016 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Đề nghị Tòa án nhân dân thành Đà Nẵng xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm trên để điều tra lại.

Bản án hình sự phúc thẩm số 87/2016/HSPT ngày 17/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định: Hủy toàn bộ nội dung bản án 08/2016/HSST ngày 28/01/2016 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để điều tra lại.

Lý do hủy bản án sơ thẩm: Hành vi khách quan của Phạm Ngọc Ly,

Phạm Văn Lâm là đồng phạm giúp sức cho bị cáo Đỗ Văn Ngọc bắt giữ người trái pháp luật nhưng cấp sơ thẩm không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Phạm Ngọc Ly, Phạm Văn Lâm là bỏ lọt tội phạm. Mặt khác, đối với chiếc xe mang BKS 43K1- 06517 là phương tiện, công cụ phạm tội, Cơ quan điều tra cần xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, tại hồ sơ vụ án (BL 76a) thể hiện ngày 16/09/2015, cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích đối với người bị hại Trần Thị Muôn nhưng chưa có kết quả giám định, (trong khi người bị hại không yêu cầu giám định). Tại các bản trình bày và biên bản ghi lời khai của Phạm Ngọc Ly thể hiện sau khi biết thông tin Ngọc bị bắt thì Ly có đến Công an phường Hòa Cường Nam để trình báo nhưng tại hồ sơ không có biên bản, trình bày nào của Phạm Ngọc Ly tại công an phường Hòa Cường Nam. Những vấn đề này cũng cần được làm rõ.

Với những thiếu sót trên đây của cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm không thể bổ sung làm rõ tại phiên tòa được. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, hủy án sơ thẩm để điều tra lại, để xử lý hình sự đối với Phạm Ngọc Ly và Phạm Văn Lâm theo quy định của pháp luật.

2.2. Những kết quả đạt được từ thực tiễn

Giai đoạn thực hiện tội phạm vừa thể hiện mức độ thực hiện ý định phạm tội vừa liên quan trực tiếp đến trách nhiệm hình sự của người phạm tội. Vì vậy, việc đưa ra một nguyên tắc hợp lý xác định giai đoạn thực hiện tội phạm tạo cơ sở lý luận để xác định đúng giai đoạn thực hiện tội phạm đối với các trường hợp phạm tội cụ thể là việc làm có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn. Giai đoạn thực hiện tội phạm được hiểu là các bước trong quá trình phạm tội do cố ý bao gồm: chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành. Các giai đoạn phạm tội này thể hiện các mức độ thực hiện tội

phạm khác nhau và do vậy, cũng phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau. Vì lý do đó, luật hình sự Việt Nam cũng như luật hình sự nhiều nước trên thế giới đều có các quy định xác định hình phạt được áp dụng đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội nhẹ hơn hình phạt đối với trường hợp phạm tội chưa đạt và hình phạt được áp dụng đối với cả hai trường hợp phạm tội này đều nhẹ hơn hình phạt được áp dụng đối với trường hợp tội phạm hoàn thành.

Trong thời gian qua, Tòa án nhân dân hai cấp tại thành phố Đà Nẵng đã đưa ra xét xử một số vụ án hình sự ở giai đoạn phạm tội chưa đạt. Tất cả các hồ sơ vụ án đều được Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa nghiên cứu chặt chẽ. Đối với trường hợp giai đoạn chuẩn bị phạm tội dù có những quy định chưa rõ ràng và khó áp dụng trong thực tiễn nên các cơ quan tiến hành tố tụng chưa lập hồ sơ và đưa ra xét xử vì cáo nào phạm tội ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội. Đối với các tội phạm ở giai đoạn phạm tội chưa đạt, Hội đồng xét xử đều xem xét đánh giá toàn diện hồ sơ vụ án, những điều kiện khác quan, nguyên nhân chủ quan, động cơ, mục đích cũng như nhân thân, thân nhân người phạm tội, lỗi của người bị hại... để từ đó quyết định và đưa ra mức án phù hợp với tính chất, mức độ mà hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo đã thực hiện. Do đó, trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2015 có 08 vụ án được Tòa án nhân dân hai cấp tại thành phố Đà Nẵng đưa ra xét xử ở giai đoạn phạm tội chưa đạt. Tất cả phần quyết định của 08 Bản án đều áp dụng Điều 18 và Điều 52 của Bộ luật hình sự với mức án đủ sức răn đe người phạm tội, có tính chất giáo dục và phòng ngừa chung.

Những vụ án còn lại đều ở giai đoạn tội phạm hoàn thành. Trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2015, số lượng các vụ án hình sự thụ lý, xét xử theo trình tự sơ thẩm hàng năm luôn chiếm tỷ lệ lớn và có chiều hướng gia tăng. Theo Báo cáo tổng kết công tác xét xử từ năm 2011 đến năm 2015, tổng số án hình sự thụ lý, xét xử của ngành Tòa án nhân dân thành phố

Đà Nẵng và xét xử sơ thẩm, phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, có con số cụ thể như sau:

+ *Của ngành Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng:*

Năm 2011 thụ lý 962 vụ/1.643 bị cáo; giải quyết 962 vụ/1.643 bị cáo.

Năm 2012 thụ lý 845 vụ/1.599 bị cáo; giải quyết 834 vụ/1.582 bị cáo
(còn 11 vụ/17 bị cáo);

Năm 2013 thụ lý 963 vụ/1.665 bị cáo; giải quyết 950 vụ/1.645 bị cáo;
(còn 13 vụ/20 bị cáo);

Năm 2014 thụ lý 939 vụ/1.526 bị cáo; giải quyết 934 vụ/1.515 bị cáo;
(còn 05 vụ/11 bị cáo);

Năm 2015 thụ lý 981 vụ/1.583 bị cáo; giải quyết 975 vụ/1.575 bị cáo;
(còn 06 vụ/08 bị cáo);

+ *Của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng (xét xử sơ thẩm và phúc thẩm):*

Năm 2011 thụ lý 353 vụ/506 bị cáo; giải quyết 353 vụ/506 bị cáo.

Năm 2012 thụ lý 371 vụ/603 bị cáo; giải quyết 366 vụ/594 bị cáo; (Còn 05 vụ/09)

Năm 2013 thụ lý 360 vụ/589 bị cáo; giải quyết 359 vụ/586 bị cáo; (còn 01 vụ/03 bị cáo);

Năm 2014 thụ lý 344 vụ/495 bị cáo; giải quyết 343 vụ/493 bị cáo; (còn 01 vụ/02 bị cáo);

Năm 2015 thụ lý 368 vụ/525 bị cáo; giải quyết 360 vụ/515 bị cáo (còn 08 vụ/10 bị cáo).

Như vậy, tổng số án hình sự sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết của ngành Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 đến năm 2015 là: Thụ lý 4.690 vụ/8.016 bị cáo; giải quyết 4.655 vụ/7.960 bị cáo. Trong đó, số lượng án hình sự sơ thẩm do cấp huyện thụ lý, giải quyết chiếm số lượng lớn.

Ngoài 08 vụ án được xét xử đối với giai đoạn phạm tội chưa đạt, thì tất cả các Bản án trên đều xét xử ở giai đoạn tội phạm hoàn thành. Kết quả giải quyết các vụ án trên cụ thể như sau:

Năm 2011 trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát 06 vụ/10 bị cáo.

Năm 2012 trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát 17 vụ/102 bị cáo;

Năm 2013 trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát 12 vụ/39 bị cáo;

Năm 2014 trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát 05 vụ/08 bị cáo;

Năm 2015 trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát 15 vụ/48 bị cáo;

Qua nghiên cứu hồ sơ, Thẩm phán phát hiện những sai sót, vi phạm về tố tụng và thiếu những chứng cứ quan trọng mà không thể bổ sung tại phiên tòa được nên phải ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát. Những chứng cứ quan trọng đó có thể là: Có hành vi phạm tội xảy ra không; chứng cứ chứng minh thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội; ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi; có năng lực chịu trách nhiệm hình sự hay không; mục đích, động cơ phạm tội; chứng cứ chứng minh tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; chứng cứ để chứng minh tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra ... Nếu thiếu một trong những chứng cứ này sẽ ảnh hưởng rất lớn tới việc xác định sự thật khách quan của vụ án, dẫn đến việc áp dụng pháp luật và quyết định sai lầm của bản án, quyết định khi ban hành. Vì vậy, việc ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung trong những trường hợp này là cần thiết. Thông qua việc trả hồ sơ điều tra bổ sung đó, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã khắc phục được những thiếu sót trong giai đoạn điều tra, truy tố thì Tòa án tiếp tục ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và việc xét xử tại phiên tòa sẽ diễn ra khách quan, đảm bảo tính chính xác.

Qua công tác xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã phát hiện sai và vi phạm của cấp sơ thẩm nên đã hủy 38 bản án, sửa 267

bản án, còn lại là giữ nguyên bản án hoặc đình chỉ xét xử phúc thẩm do rút kháng cáo, kháng nghị đối với án có kháng cáo, kháng nghị lên Tòa án thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm.

Việc áp dụng pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong xét xử các vụ án hình sự của Tòa án nhân dân hai cấp thành phố Đà Nẵng những năm qua luôn đảm bảo chính xác và đúng pháp luật. Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng qua công tác xét xử phúc thẩm đã phát hiện những sai sót của Tòa án cấp huyện, quận trong việc áp dụng pháp luật và kịp thời uốn nắn những sai sót này cho Tòa án cấp huyện, quận. Từ đó, góp phần nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong xét xử sơ thẩm án hình sự của Tòa án cấp huyện nói riêng và hệ thống Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nói chung.

2.3. Những khó khăn, hạn chế, bất cập và nguyên nhân

Trong quá trình áp dụng pháp luật về quy định đối với các giai đoạn thực hiện tội phạm cho thấy: Đối với giai đoạn chuẩn bị phạm tội thì Tòa án nhân dân hai cấp thành phố Đà Nẵng chưa xét xử vụ án nào. Đối với tội phạm hoàn thành thì tác giả đã đưa ra phân tích những kết quả đạt được ở mục 2.4. Hiện nay, về mặt lý luận quy định về giai đoạn chuẩn bị phạm tội và tội phạm chưa hoàn thành còn nhiều cách hiểu và quan điểm khác nhau. Dẫn đến việc áp dụng pháp luật khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng, cụ thể:

Một là, về khái niệm, Điều 18 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định chưa đầy đủ, chưa chính xác, chưa phản ánh rõ bản chất của hành vi phạm tội chưa đạt. Trong hành vi của phạm tội chưa đạt, dấu hiệu "bắt đầu thực hiện tội phạm" là dấu hiệu xác định thời điểm đầu tiên đồng thời là dấu hiệu cơ bản để phân biệt phạm tội chưa đạt với chuẩn bị phạm tội, còn "... không thực hiện đến cùng..." có thể bị hiểu là không thực hiện được đến cùng so với mục đích hoặc kế hoạch đã được định trước của chủ thể (thực chất ở đây là so với thời điểm tội phạm hoàn thành về mặt pháp lý). Hơn nữa, trong định nghĩa của các

khái niệm phạm tội chưa đạt chưa có ghi nhận nguyên tắc chung của việc xác định trách nhiệm hình sự đối với tội phạm chưa hoàn thành, chưa có định nghĩa pháp lý về tội phạm chưa hoàn thành.

Hai là, như đã đề cập căn cứ vào mục đích thực hiện ý định phạm tội mà người phạm tội dự định thực hiện phạm tội chưa đạt mà khoa học luật hình sự Việt Nam có thể được chia phạm tội chưa đạt thành hai dạng như sau: Phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành và phạm tội chưa đạt đã hoàn thành nhưng chưa được cụ thể hóa trong Bộ luật hình sự.

Ba là, quy định tại khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự quy định về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội chưa đạt còn bộc lộ một số hạn chế: 1) Khoản 3 Điều 52 quy định: "... nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư (3/4) mức phạt tù mà điều luật quy định". Cách viết như vậy là chưa chặt chẽ, có thể đưa tới tình trạng hiểu theo nhiều cách khác nhau dẫn đến việc quyết định hình phạt trên thực tiễn cũng sẽ khác nhau mà tác giả đã phân tích trong luận văn này. 2) Khoản 3 Điều 52 không chỉ rõ khung hình phạt được áp dụng mà chỉ nói chung chung 3/4 mức phạt tù của điều luật quy định. 3) Khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự cũng quy định đối với trường hợp phạm tội chưa đạt - nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì có thể áp dụng các trường hợp này trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng.

Bốn là, cũng từ vấn đề trên đã dẫn tới sự tranh luận trong khoa học luật hình sự. Sự cần thiết của việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 hiện hành về phạm tội chưa đạt Việc tiếp tục sửa đổi, bổ sung những quy định cũ, xây dựng những quy định mới nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam về phạm tội chưa đạt là đòi hỏi có tính cấp bách, phục vụ kịp thời thực tiễn đấu tranh phòng và chống tội phạm trong tình hình mới, nhất là khi tội phạm đó còn chưa hoàn thành. Tuy nhiên, việc đổi mới và

hoàn thiện này phải dựa trên quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về đấu tranh phòng và chống tội phạm, trên cơ sở tổng kết thực tiễn và phải là cơ sở pháp lý vững chắc thể hiện được các tư tưởng pháp chế, nhân đạo, dân chủ, cũng như phù hợp với pháp luật hình sự các nước trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế... Do đó, sự cần thiết của việc hoàn thiện các quy định trong Bộ luật hình sự Việt Nam cũng hoàn toàn phù hợp với nội dung của Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị "Về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020".

Kết luận Chương 2

Chương 2 của Luận văn phân tích thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành về các giai đoạn thực hiện tội phạm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Trong chương này, tập trung phân tích thực tiễn áp dụng pháp luật đối với các giai đoạn thực hiện tội phạm cụ thể, có lấy ví dụ của các bản án trong từng trường hợp để chứng minh. Từ đó phân tích, đánh giá và nhận xét những kết quả đã đạt được từ thực tiễn và nêu lên một số khó khăn, hạn chế, bất cập cũng như nguyên nhân của những tồn tại trong hoạt động áp dụng pháp luật đối với các giai đoạn thực hiện tội phạm của các Tòa án nhân dân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

CHƯƠNG 3

CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM XÁC ĐỊNH VÀ XỬ LÝ ĐÚNG TỪNG GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN TỘI PHẠM

3.1. Hoàn thiện pháp luật hình sự liên quan đến các giai đoạn thực hiện tội phạm

Trên cơ sở những phân tích những yêu cầu cấp thiết của việc hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành liên quan đến các giai đoạn thực hiện tội phạm và quá trình tham khảo các quy định pháp luật của một số nước trên thế giới về các giai đoạn thực hiện tội phạm. Từ đó, chúng ta có thể tham khảo, tiếp thu và chọn lọc các quy định pháp luật về các giai đoạn thực hiện tội phạm của một số nước trên thế giới, cùng với những kinh nghiệm rút ra trong thực tiễn để đưa ra những kiến nghị góp phần hoàn thiện pháp luật hình sự của Việt Nam liên quan đến việc các giai đoạn thực hiện tội phạm. Qua tham khảo các quan điểm của các tác giả về những kiến nghị để hoàn thiện pháp luật hình sự của Việt Nam liên quan đến các giai đoạn thực hiện tội phạm, tác giả đưa ra những kiến nghị như sau:

Thứ nhất, cần bổ sung một Điều luật về tội phạm chưa hoàn thành để làm nguyên tắc chung xử lý, qua đó phân biệt giữa tội phạm chưa hoàn thành và tội phạm đã hoàn thành để làm cơ sở phân chia các giai đoạn phạm tội, cũng như việc quy định trách nhiệm hình sự đối với từng giai đoạn thực hiện tội phạm, cụ thể Điều luật cần bổ sung như sau:

Điều...: Tội phạm chưa hoàn thành.

Tội phạm chưa hoàn thành là hành vi chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt [2, tr.440-441].

Người phạm tội chưa hoàn thành phải chịu trách nhiệm hình sự về tội định thực hiện, được quy định theo Điều luật tương ứng của Bộ luật này.

Thứ hai, tại Điều 17 Bộ luật hình sự có ba vấn đề cần sửa đổi, bổ sung:

Một là, đoạn 1 Điều 17 Bộ luật hình sự mới chỉ tập trung đề cập đến hành vi của người chuẩn bị (bao gồm: tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm) nhưng chưa đề cập đến hành vi của người này trong mối liên hệ với những người đồng phạm khác như hành vi tìm kiếm, liên kết những người đồng phạm. Do đó, cần bổ sung thêm vấn đề này cho phù hợp với thực tiễn xét xử và tham khảo như kinh nghiệm lập pháp trong Điều 30 Bộ luật hình sự Liên bang Nga.

Hai là, Điều 17 Bộ luật hình sự cũng chưa nói rõ nguyên nhân của việc dừng lại (bị phát hiện) trong giai đoạn chuẩn bị phạm tội, vì chuẩn bị phạm tội là giai đoạn đầu của quá trình thực hiện tội phạm, do đó, cần bổ sung nguyên nhân của việc bị dừng lại này là do các nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội cũng tương tự như Điều 18 về “Phạm tội chưa đạt” trong Bộ luật hình sự và tham khảo như kinh nghiệm lập pháp trong Điều 30 Bộ luật hình sự Liên bang Nga.

Ba là, đoạn 2 Điều 17 Bộ luật hình sự quy định: *“Người chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc một tội đặc biệt nghiêm trọng, thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội định thực hiện”* cần được sửa đổi, bổ sung cụm từ “một” và “hoặc” để tránh hiểu sai - nếu một người chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc một tội đặc biệt nghiêm trọng, thì mới phải chịu trách nhiệm hình sự về tội định thực hiện, còn giả sử họ chuẩn bị hai tội rất nghiêm trọng hoặc hai tội đặc biệt nghiêm trọng; hay họ chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng và một tội đặc biệt nghiêm trọng lại không phải chịu trách nhiệm hình sự?. Do đó, cần sửa thành: *“Người chuẩn bị phạm một hay nhiều tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng thì phải chịu trách nhiệm hình sự về một hay nhiều tội định thực hiện đó”*[27].

Cụ thể cần sửa đổi, bổ sung Điều luật như sau (phần in nghiêng là phần kiến nghị sửa đổi, bổ sung):

“Điều 17. Chuẩn bị phạm tội

Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện, *tìm kiếm, liên kết những người đồng phạm* hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm, *nhưng không thực hiện được tiếp hành vi của mình vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người chuẩn bị phạm tội.*

Người chuẩn bị phạm một hay nhiều tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng thì phải chịu trách nhiệm hình sự về *một hay nhiều tội định thực hiện đó*”.

Thứ ba, cần bổ sung và giải thích khái quát vào Điều 18 Bộ luật hình sự hai trường hợp “phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành” và “phạm tội chưa đạt đã hoàn thành” để có cơ sở pháp lý truy cứu trách nhiệm hình sự chính xác và bảo đảm công bằng đối với người phạm tội trong từng trường hợp tương ứng. Hơn nữa, trong Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 05/01/1986 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự cũng đã nêu về hai dạng phạm tội chưa đạt này [27].

Cụ thể cần sửa đổi, bổ sung Điều luật như sau (phần in nghiêng là phần kiến nghị sửa đổi, bổ sung):

“Điều 18. Phạm tội chưa đạt

Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn của người phạm tội.

1. *Phạm tội chưa đạt thuộc một trong những trường hợp sau đây:*

a) *Phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành là trường hợp vì những nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn mà người phạm tội chưa thực hiện hết các hành vi cần thiết để gây ra hậu quả nên hậu quả chưa xảy ra;*

b) *Phạm tội chưa đạt đã hoàn thành là trường hợp vì những nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn mà người phạm tội đã thực hiện các hành vi cần thiết để gây ra hậu quả nên hậu quả chưa xảy ra hoặc đã xảy ra nhưng chưa phù hợp với dấu hiệu hậu quả trong cấu thành tội phạm.*

Người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt. *Trường hợp phạm tội chưa đạt đã hoàn thành phải chịu trách nhiệm hình sự nghiêm khắc hơn so với phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành*”.

Thứ tư, tại Điều 52 Bộ luật hình sự có ba vấn đề cần sửa đổi, bổ sung: Một là, về quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt quy định tại khoản 2, 3 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với trường hợp tù có thời hạn “... *thì mức hình phạt không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định và... mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định*”. Tuy nhiên, các nhà làm luật nước ta lại chưa quy định rõ: Không quá một phần hai (1/2) hay không quá ba phần tư (3/4) mức phạt tù là của mức phạt tù cao nhất hay mức phạt tù thấp nhất hay chia trung bình chung... Do đó, theo tác giả cần sửa đổi theo hướng “mức phạt tù” được hiểu chính là “không quá một phần hai mức phạt tù thấp nhất đến không quá một phần hai mức phạt tù cao nhất” và “không quá ba phần tư mức phạt tù thấp nhất đến không quá ba phần tư mức phạt tù cao nhất”(3) cho phù hợp với lý luận và thực tiễn, đồng thời bảo đảm các nguyên tắc công bằng và phân hóa trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam [27].

Hai là, về trách nhiệm hình sự, tham khảo Bộ luật hình sự Liên bang Nga cho thấy, hành vi phạm tội chưa đạt cũng giống như Bộ luật hình sự Việt Nam, có nghĩa không đặt ra vấn đề giới hạn những trường hợp phải chịu trách nhiệm hình sự mà quy định tất cả các trường hợp phạm tội chưa đạt đều phải chịu trách nhiệm hình sự, không phân biệt tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Tuy nhiên, Điều 66 Bộ luật hình sự Liên bang Nga lại quy định: mức hình phạt quyết định đối với hành vi phạm tội chưa đạt không vượt quá ba phần tư mức hình phạt trong khung của tội phạm hoàn thành, không áp dụng hình phạt tử hình và tù chung thân đối với người phạm tội chưa đạt. Trong khi đó, khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự Việt Nam quy định đối với trường hợp phạm tội chưa

đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì chỉ có thể áp dụng các hình phạt này trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng... Vì vậy, để thể hiện tính nhân đạo hơn nữa các quy định trong Bộ luật Hình sự, đồng thời phù hợp với thực tiễn xét xử, chỉ cần quy định áp dụng hình phạt tù chung thân trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng đối với trường hợp phạm tội chưa đạt là đủ sức răn đe và phòng ngừa chung.

Ba là, cả ba giai đoạn thực hiện tội phạm đều có thể tồn tại đối với các tội phạm được quy định ở cấu thành tội phạm cơ bản, cấu thành tội phạm tăng nặng và cấu thành tội phạm giảm nhẹ.

Trước hết, nếu xuất phát từ khái niệm các loại cấu thành tội phạm này thì có thể thấy cấu thành tội phạm tăng nặng hay cấu thành tội phạm giảm nhẹ chỉ khác cấu thành tội phạm cơ bản ở chỗ: Ngoài dấu hiệu định tội, chúng còn có thêm dấu hiệu phản ánh tội phạm có mức độ của tính nguy hiểm cho xã hội tăng lên một cách đáng kể hay giảm đi một cách đáng kể (so với trường hợp bình thường). Loại dấu hiệu định khung hình phạt (tăng nặng hay giảm nhẹ) có mặt trong hai loại cấu thành tội phạm này hoàn toàn không có tính loại trừ các trường hợp phạm tội chưa hoàn thành. Tất cả các trường hợp phạm tội được phản ánh trong cả ba loại cấu thành tội phạm nói trên đều là sự tổng hợp của cả bốn yếu tố cấu thành tội phạm (khách thể, chủ thể, mặt khách quan và mặt chủ quan của tội phạm), chúng chỉ khác nhau ở chỗ sự tổng hợp đó phản ánh mức độ của tính nguy hiểm cho xã hội như thế nào so với trường hợp bình thường. Như vậy, nếu như trường hợp phạm tội thuộc cấu thành tội phạm cơ bản có thể bao gồm trường hợp các dấu hiệu thuộc khách thể, chủ thể và mặt chủ quan của tội phạm tồn tại giống như trường hợp tội phạm hoàn thành nhưng các dấu hiệu về mặt khách quan lại mới chỉ ở mức độ tạo ra các điều kiện thuận lợi để thực hiện tội phạm (chuẩn bị phạm tội) hoặc mới chỉ thực hiện được một phần các dấu hiệu bắt buộc thuộc mặt khách quan

(phạm tội chưa đạt) thì cấu thành tội phạm tăng nặng hay cấu thành tội phạm giảm nhẹ cũng có thể có những trường hợp phạm tội này. Nói cách khác, chuẩn bị phạm tội hay phạm tội chưa đạt cần được hiểu là hai giai đoạn phạm tội gắn liền với tất cả những trường hợp tội phạm hoàn thành của các tội phạm cụ thể (trừ những trường hợp đặc biệt không thể có giai đoạn đó, ví dụ: tội phạm có cấu thành cắt xén). Không ai phủ nhận rằng trường hợp một người chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội để thực hiện hành vi giết một người bình thường nhưng do nguyên nhân khách quan không thể thực hiện được bước tiếp theo của tội phạm là trường hợp chuẩn bị giết người (thuộc khoản 2 Điều 93 Bộ luật hình sự) và trường hợp người đó thực hiện hành vi tước đoạt tính mạng nạn nhân nhưng do nguyên nhân khách quan hậu quả chết người không xảy ra mà chỉ gây ra thương tích cho nạn nhân là trường hợp phạm tội giết người chưa đạt (thuộc khoản 2 Điều 93 Bộ luật hình sự). Việc xử lý các trường hợp nói trên đã căn cứ vào cấu thành tội phạm phản ánh tổng hợp các dấu hiệu của tội phạm như là người phạm tội nhằm thực hiện được chứ không căn cứ vào cấu thành tội phạm tương ứng với thực tế diễn ra của hành vi phạm tội (trường hợp phạm tội thứ hai trên đây không bị xử lý về tội cố ý gây thương tích đã hoàn thành). Việc xử lý như trên không làm xuất hiện các ý kiến trái chiều vì hoàn toàn phù hợp với tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: không muốn tội phạm dừng lại ở đó mà muốn nó diễn ra một cách nghiêm trọng hơn. Tác giả luận văn cho rằng tinh thần này cần được hiểu là tinh thần chung khi xem xét mọi trường hợp phạm tội mà diễn biến về mặt khách quan của tội phạm chưa thể hiện đầy đủ mong muốn của người phạm tội. Ví dụ: trường hợp người phạm tội chuẩn bị công cụ, phương tiện để giết nhiều người nhưng do nguyên nhân khách quan nên không thực hiện tiếp được tội phạm cần được xác định là chuẩn bị giết người thuộc khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự và trường hợp người đó đã thực hiện hành vi đầu độc nhưng do nguyên nhân khách quan nên không có nạn nhân nào bị chết hoặc

chỉ có một nạn nhân chết cũng cần được xác định là phạm tội giết người chưa đạt theo khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự chứ không phải là phạm tội giết người chưa đạt hay tội giết người đã hoàn thành theo quy định tại khoản 2 Điều này. Chỉ khi việc xác định giai đoạn phạm tội được thực hiện trên nguyên tắc: dựa trên mức độ thực hiện ý định phạm tội khác nhau của người phạm tội đối với tội phạm mà họ dự định thực hiện được một cấu thành tội phạm cụ thể (có thể là cơ bản, tăng nặng hay giảm nhẹ) phản ánh thì việc xác định giai đoạn thực hiện tội phạm cũng như trách nhiệm hình sự của người phạm tội mới phù hợp đầy đủ với tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm mà người đó thực hiện. Tinh thần này cũng được khẳng định tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999 qua các nội dung sau: 1. “Ví dụ: Nguyễn Văn A sửa soạn công cụ, phương tiện để thực hiện tội trộm cắp tài sản. Nếu có đầy đủ căn cứ chứng minh rằng Nguyễn Văn A chuẩn bị thực hiện tội trộm cắp tài sản thuộc khoản 3 hoặc khoản 4 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, thì tuyên bố Nguyễn Văn A phạm tội trộm cắp tài sản (chuẩn bị phạm tội).” và 2. “Cần chú ý là chỉ khi có đầy đủ căn cứ chứng minh rằng tội phạm mà người phạm tội không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn chủ quan của họ thuộc khoản nào của điều luật tương ứng quy định về tội phạm đó, thì mới áp dụng khoản, điều luật tương ứng đó. Trong trường hợp không xác định được tội phạm mà họ thực hiện không đạt thuộc khoản tăng nặng cụ thể nào của điều luật tương ứng quy định về tội phạm đó, thì áp dụng khoản nhẹ nhất của điều luật tương ứng đó”. Những nội dung hướng dẫn này cho thấy nguyên tắc đề xuất nói trên không chỉ có cơ sở lý luận mà còn được sử dụng trong thực tiễn. Nguyên tắc nói trên lấy cơ sở để xác định các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành là những hành vi phạm tội được cùng một cấu thành tội phạm phản ánh mà người phạm tội hướng đến thực hiện chứ không lấy cơ sở là

chính hành vi cụ thể mà người đó dự định thực hiện (vì khi đó việc xác định hình phạt sẽ quá phức tạp và không cần thiết). Theo đó, trường hợp một người tìm cách lừa đảo chiếm đoạt 700 triệu đồng là trường hợp người phạm tội mong muốn thực hiện tội phạm được quy định tại khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự (khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự quy định tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên). Với cơ sở để xác định trường hợp tội phạm chưa hoàn thành như trên thì nếu người phạm tội mới chỉ tiến hành chuẩn bị các điều kiện thuận lợi để thực hiện hành vi lừa đảo mà do nguyên nhân khách quan tội phạm bị dừng lại thì hành vi được xác định là phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội. Trong khi đó, có những quan điểm lại cho rằng trường hợp này chỉ bị xử lý là trường hợp chuẩn bị phạm tội theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự, như vậy chưa phù hợp với tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm mà người đó thực hiện. Nếu người phạm tội đã thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt 700 triệu đồng nhưng do nguyên nhân khách quan chưa chiếm đoạt được đủ số tiền này thì cần phân biệt thành hai trường hợp:

- Nếu tài sản đã chiếm đoạt được có giá trị dưới 500 triệu đồng hoặc chưa chiếm đoạt được tài sản thì trường hợp đó được xác định là phạm tội chưa đạt theo quy định tại khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự. Như vậy, ngay cả trường hợp chưa chiếm đoạt được tài sản (1), trường hợp tài sản chiếm đoạt được dưới mức định lượng tối thiểu của khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự (2) hoặc trường hợp tài sản đã chiếm đoạt được thuộc mức được quy định tại các khoản 1, 2 hay 3 Điều luật này (3) thì người thực hiện hành vi lừa đảo vẫn bị coi là phạm tội chưa đạt theo quy định tại khoản 4 Điều này. Trong khi đó, có quan điểm cho rằng trường hợp (1) và (2) chỉ bị xử lý theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự ở giai đoạn phạm tội chưa đạt, trường hợp (3) chỉ bị xử lý là tội phạm hoàn thành theo khoản 1, 2 hay 3 tùy thuộc vào giá trị tài sản đã bị chiếm đoạt được quy định ở khoản nào. Cách xử lý này tuy có lợi

cho người phạm tội nhưng không thể hiện sự cân nhắc đầy đủ tính nguy hiểm của tội phạm trong trường hợp này. Một số người không đồng tình với quan điểm xác định là phạm tội chưa đạt theo quy định tại khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự nhận xét: cách xử lý trường hợp (3) theo quan điểm này gây ra những khó khăn trong việc chứng minh giá trị tài sản mà người phạm tội tìm cách chiếm đoạt trong khi nếu xử lý theo giá trị tài sản đã thực tế chiếm đoạt được thì đơn giản hơn nhiều. Ngược lại, tác giả cho rằng không thể vì mục đích giảm bớt khó khăn cho hoạt động áp dụng pháp luật mà phủ nhận tính khoa học của cách xử lý này và việc chứng minh các dấu hiệu của tội phạm khi có ý nghĩa vẫn cần phải được thực hiện. Ngay cả những trường hợp xác định tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội hay phạm tội chưa đạt thuộc cấu thành tội phạm cơ bản thì vẫn cần phải chứng minh sự thỏa mãn dấu hiệu định lượng khi nó được quy định là dấu hiệu bắt buộc.

Nếu tài sản đã chiếm đoạt được có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên thì trường hợp đó được xác định là tội phạm hoàn thành theo quy định tại khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, khi cân nhắc hình phạt đối với nhóm trường hợp này cũng cần tiếp tục tính đến mức độ phù hợp giữa diễn biến của tội phạm với mục đích của người phạm tội. Ví dụ: nếu các tình tiết khác tương đương thì trường hợp đã chiếm đoạt được 650 triệu đồng phải được xác định là nguy hiểm hơn trường hợp mới chỉ chiếm đoạt được 500 triệu đồng.

Cách xác định giai đoạn phạm tội nói trên cũng được áp dụng đối với các cấu thành tội phạm khác có cách quy định tương tự như tội cố ý gây thương tích, tội trộm cắp tài sản...

Cùng với việc khẳng định tính hợp lý của nguyên tắc xác định các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành trên cơ sở những hành vi phạm tội được cùng một cấu thành tội phạm phản ánh mà người phạm tội hướng đến thực hiện, quan điểm này cho rằng quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự cần được sửa lại một cách phù hợp. Theo đó, Điều luật cần khẳng định rõ cơ sở để xác

định hình phạt đối với các trường hợp phạm tội chưa hoàn thành là khung hình phạt được quy định tại cấu thành tội phạm phản ánh trường hợp phạm tội đó. Cụ thể là Điều luật này cần được sửa như sau:

Đối với hành vi chuẩn bị phạm tội và hành vi phạm tội chưa đạt, hình phạt được quyết định theo các điều, khoản của Bộ luật này về các tội phạm tương ứng tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, mức độ thực hiện ý định phạm tội và những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng.

Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, nếu *khung hình phạt* được áp dụng có quy định (bỏ từ này) hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là không quá hai mươi năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định.

Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu *khung hình phạt* được áp dụng có quy định (bỏ từ này) hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì chỉ có thể áp dụng các hình phạt này trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định [13].

Cụ thể cần sửa đổi, bổ sung Điều luật như sau (phần in nghiêng là phần kiến nghị sửa đổi, bổ sung):

“Điều 52. Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt.

Đối với hành vi chuẩn bị phạm tội và hành vi phạm tội chưa đạt, hình phạt được quyết định theo các điều, *khoản* của Bộ luật này về các tội phạm tương ứng tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, mức độ thực hiện ý định phạm tội và những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng.

Khung hình phạt được áp dụng đối với chuẩn bị phạm tội và phạm tội

chưa đạt là khung mà hành vi phạm tội thỏa mãn có thể là khung cơ bản, khung tăng nặng hay khung giảm nhẹ.

Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, nếu *khung hình phạt* được áp dụng có hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là không quá hai mươi năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá một phần hai mức phạt tù *thấp nhất đến không quá một phần hai mức phạt tù cao nhất mà điều luật quy định*.

Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu *khung hình phạt* được áp dụng có hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì chỉ có thể áp dụng hình phạt tù chung thân trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù *thấp nhất đến không quá ba phần tư mức phạt tù cao nhất mà điều luật quy định*”.

3.2. Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật đối với các giai đoạn thực hiện tội phạm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Bên cạnh những kiến nghị giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành liên quan đến các giai đoạn thực hiện tội phạm, để đáp ứng nhu cầu của thực tiễn cần phải tăng cường thêm các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật nói chung và áp dụng pháp luật đối với từng giai đoạn thực hiện tội phạm nói riêng, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm một cách hiệu quả.

3.2.1. Nâng cao công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và kiểm tra của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới

Tăng cường hơn nữa vai trò chỉ đạo của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới trong công tác xét xử. Tòa án cấp trên phải có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng, rành mạch cho từng bộ phận công tác và cho mỗi cán bộ một cách khoa học và hợp lý, nhằm phát huy hết năng lực, sở trường của họ, đảm bảo sự phối kết hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các bộ phận công tác. Đồng thời, phải nắm được đầy đủ, sâu sát và toàn diện từng vấn đề, từng nội dung

công việc, nhất là những vấn đề quan trọng, phức tạp được quần chúng nhân dân quan tâm để chỉ đạo kịp thời, chính xác theo định pháp luật. Thực hiện có hiệu quả về công tác quản lý, chỉ đạo giải quyết án hình sự ở Tòa án các cấp. Cần xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của Cán bộ Tòa án trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Cần phải tạo điều kiện pháp lý cũng như điều kiện thực tế để Cán bộ Tòa án có thể thực hiện tốt nhiệm vụ của mình với vai trò là người tiến hành tố tụng, có đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ của người tiến hành tố tụng theo quy định của pháp luật.

Những vấn đề nội dung thỉnh thị của cấp huyện về những khó khăn vướng mắc như đánh giá chứng cứ, xác định tội danh, quan điểm xử lý vụ án, bị can... cấp trên cần kịp thời trả lời chính xác, định thời hạn và dám chịu trách nhiệm trong nội dung trả lời, tránh chung chung thiếu tính khoa học và tính thuyết phục. Việc kiểm tra hướng dẫn chuyên môn phải được làm thường xuyên, tránh hình thức, thông qua công tác kiểm tra kịp thời phát hiện những thiếu sót để rút kinh nghiệm chung trong quá trình giải quyết các vụ án, nhằm nâng hiệu quả xử lý đối với tội phạm.

3.2.2. Tăng cường giải thích hướng dẫn áp dụng pháp luật

Bộ luật hình sự năm 1999, đã qua một lần sửa đổi, bổ sung bãi bỏ hoặc thay thế một số điều, khoản, cụm từ của Bộ luật hình sự năm 1999 nhưng hiện nay vẫn còn một số quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999 chưa cụ thể mà chưa có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền nên lúng túng trong nhận thức đánh giá chứng cứ và xác định tội danh và quyết định hình phạt.

Ví dụ như: quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự quy định về quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt còn bộc lộ một số hạn chế như sau: khoản 2 và khoản 3 Điều 52 quy định:

Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt

cao nhất được áp dụng là không quá hai mươi năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt *không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định*; 3. Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì chỉ có thể áp dụng các hình phạt này trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt *không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định*.

Quy định như vậy là chưa chặt chẽ, khiến người đọc có thể hiểu theo nhiều cách khác nhau dẫn đến việc quyết định hình phạt trên thực tiễn cũng sẽ khác nhau, không quá *một phần hai* ($\frac{1}{2}$) hay không quá *ba phần tư* ($\frac{3}{4}$) mức pháp luật điều luật quy định là của mức phạt tù hay mức phạt tù *thấp nhất* hay chia trung bình chung mức phạt tù mà pháp luật quy định; không chỉ rõ khung hình phạt được áp dụng mà chỉ nói chung chung $\frac{1}{2}$ hay $\frac{3}{4}$ mức phạt tù của điều luật quy định.

3.2.3. Nâng cao năng lực của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán là người trực tiếp thực hiện chức năng xét xử của Tòa án, đảm đương thực hiện một trong những quyền lực Nhà nước – quyền tư pháp. Hoạt động xét xử của thẩm phán có tính chuyên môn cao, đòi hỏi sự cẩn trọng, trách nhiệm nặng nề; do đó thẩm phán cần được lựa chọn một cách kỹ lưỡng, cẩn thận, bảo đảm đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức để có thể đảm đương tốt nhiệm vụ. Vì vậy, cần có những quy định chặt chẽ về Thẩm phán, nhất là tiêu chuẩn và quy trình tuyển chọn Thẩm phán, dựa trên nhiều tiêu chí khác nhau như: sức khỏe và tinh thần trách nhiệm cao, có niềm tin nội tâm vững chắc; Phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp; Trình độ chuyên môn nghiệp vụ (phải hiểu biết pháp luật sâu); Kinh nghiệm thực tế trong thời gian công tác...

Tại các phiên tòa, Hội thẩm nhân dân có vai trò quan trọng đảm bảo tính dân chủ trong hoạt động xét xử, góp phần giúp việc xét xử của Tòa án diễn ra công bằng, chính xác, khách quan. Trong quá trình xét xử, các vị Hội

thẩm nhân dân cùng với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa tích cực thực hiện công tác tuyên truyền pháp luật; phát hiện những thiếu sót, tồn tại trong công tác quản lý Nhà nước, những nguyên nhân, điều kiện dẫn đến phát sinh tội phạm và kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền các biện pháp khắc phục. Tuy nhiên, thời gian qua hoạt động của Hội thẩm nhân dân còn gặp khó khăn, trình độ pháp lý của Hội thẩm nhân dân chưa đồng đều, một số Hội thẩm nhân dân chưa chuyên tâm đến việc nghiên cứu Cáo trạng, các văn bản pháp luật liên quan nên chất lượng hoạt động xét xử chưa cao. Vai trò của Hội thẩm nhân dân trong các phiên tòa chưa thể hiện rõ nét. Thực tế cho thấy, tại nhiều phiên tòa, những vị Hội thẩm nào thường xuyên tham gia xét xử thì hỏi đúng, hỏi trúng, trong khi đó những Hội thẩm lâu lâu mới tham gia xét xử thì rất thụ động không đặt câu hỏi khi tham gia xét xử, đôi lúc hỏi còn chung chung. Pháp luật quy định Hội thẩm nhân dân “ngang quyền” với Thẩm phán khi xét xử, khi xét xử số lượng hội thẩm nhân dân chiếm 2/3 trong thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm, thế nhưng trong thực tế có Hội thẩm không nghiên cứu kỹ hồ sơ, không xem xét các tình tiết, điều này tạo nên việc lệ thuộc vào phán quyết của Thẩm phán, đồng thời làm mờ nhạt vai trò của Hội thẩm nhân dân khi tham gia xét xử. Vì vậy, cần tổ chức các đợt tập huấn nghiệp vụ cho các vị Hội thẩm nhân dân về việc thẩm vấn, tranh tụng với các câu hỏi đúng trọng tâm, đánh giá các tình tiết vụ án khách quan, xác định chính xác tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; kiên quyết đấu tranh với những tội phạm nguy hiểm, đối tượng chủ mưu cầm đầu, từ đó cùng Thẩm phán chủ tọa phiên tòa nghị án và quyết định về hình phạt một cách nghiêm minh, khách quan, toàn diện, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đảm bảo không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, góp phần đảm bảo an ninh trật tự xã hội.

3.2.4. Nâng cao vai trò của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

a. Đối với Cơ quan điều tra

Điều tra tội phạm là giai đoạn đầu và rất quan trọng trong tố tụng hình

sự. Hoạt động của các Cơ quan điều tra giữ vai trò trong phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm, góp phần quan trọng bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh đó hoạt động điều tra cũng bộc lộ một số bất cập, chất lượng, tiến độ điều tra một số vụ án hình sự chưa bảo đảm; ở một số lĩnh vực xảy ra tội phạm nhưng tỷ lệ phát hiện, khởi tố, điều tra chưa cao; quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và một số chủ thể trong hoạt động điều tra còn vướng mắc; công tác phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm có nơi, có lúc chưa được chủ động. Thực tiễn cho thấy số lượng tội phạm ở giai đoạn phạm tội chưa hoàn thành (chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt) khá nhiều, nhưng có một số tội phạm chưa hoàn thành còn chưa bị phát hiện và bị ngăn chặn xử lý. Hầu như tội phạm bị phát hiện ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội trong tội phạm chưa hoàn thành thường bị các cơ quan điều tra xử lý hành chính, không khởi tố vụ án hình sự. Việc xác định tội phạm chưa hoàn thành còn có nhiều khó khăn, nhất là ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội, vì vậy Cơ quan điều tra trước hết cần làm tốt công tác tiếp nhận và xử lý tin báo, tố giác tội phạm. Trên cơ sở tiếp nhận tin báo, tố giác, Cơ quan điều tra có thể xác định có dấu hiệu tội phạm hay không để quyết định việc khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự. Trách nhiệm của Cơ quan điều tra trong công tác này là giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, bảo đảm việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo tội phạm đúng pháp luật, đầy đủ; bảo đảm mọi tội phạm đều được phát hiện, khởi tố, điều tra và xử lý. Hoạt động giải quyết tố giác, tin báo tội phạm của Cơ quan điều tra có vị trí, vai trò và ý nghĩa tiên quyết để bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội đều được phát hiện và xử lý kịp thời, đúng pháp luật. Thực tiễn cho thấy, việc giải quyết tốt công tác tố giác, tin báo tội phạm sẽ quyết định chất lượng giải quyết vụ án và là bước quan trọng để có thể khẳng định có hay không có hành vi tội phạm xảy ra, người nào thực hiện hành vi phạm tội, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội đó gây ra như thế nào.

Đồng thời, thông qua hoạt động này để có cơ sở khẳng định việc khởi tố là đúng người, đúng tội và bảo đảm các căn cứ để xử lý tội phạm, bảo đảm cho mọi hành vi phạm tội đều phải được xử lý theo quy định của pháp luật, tránh làm oan, sai và không bỏ lọt tội phạm.

b. Đối với Viện kiểm sát

Trước tình hình tội phạm luôn gia tăng, vai trò của Viện kiểm sát trong việc thực hành quyền công tố và kiểm sát các vụ án hình sự có vị trí rất quan trọng. Theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có quyền và trách nhiệm kiểm sát việc khởi tố và điều tra vụ án hình sự ngay từ đầu quá trình điều tra và kiểm sát thường xuyên, liên tục theo quá trình điều tra. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, việc thực hiện quyền và trách nhiệm này còn chưa tốt. Do không thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra từ đầu nên công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra trở nên thụ động, phụ thuộc vào kết quả điều tra của Cơ quan điều tra. Việc kiểm sát không kịp thời phát hiện ra các vi phạm pháp luật trong quá trình điều tra cũng như không chỉ đạo được quá trình điều tra, dễ xảy ra trường hợp bỏ lọt tội phạm, truy tố không có căn cứ, làm oan người vô tội. Vì vậy trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Viện kiểm sát cần có nhiều biện pháp đổi mới nghiệp vụ công tác điều tra nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong công tác điều tra các vụ án hình sự.

c. Đối với Tòa án nhân dân

Từ nghiên cứu thực tiễn Tòa án nhân dân hai cấp tại thành phố Đà Nẵng cho thấy những nguyên nhân đang tồn tại trong việc áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội phạm chưa hoàn thành của Tòa án, việc vận dụng pháp luật trong một số vụ án hình sự của Tòa án còn lúng túng, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội còn chưa chính xác, về hình thức bản án chưa phân tích rõ ràng và chưa thống nhất trong việc xác định giai đoạn phạm tội của tội phạm... Vì vậy, cần phải nâng cao vai trò của

Tòa án trong công tác xét xử các vụ án hình sự, tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng công tác xét xử các vụ án hình sự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình hiện nay, ngành Tòa án nhân dân cần làm tốt công tác bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ và nâng cao bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân; tổng kết thực tiễn xét xử và hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong toàn ngành; tăng cường phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng trong công tác hướng dẫn áp dụng pháp luật cũng như trong quá trình giải quyết vụ án; đồng thời tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách tư pháp.

Kết luận Chương 3

Trong Chương 3 của Luận văn, đã tập trung phân tích những tồn tại của pháp luật hình sự cũng như những khó khăn trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với các giai đoạn thực hiện tội phạm để từ đó mạnh dạn đề xuất một số kiến nghị sửa đổi nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự liên quan đến các giai đoạn thực hiện tội phạm nói chung. Bên cạnh đó, luận văn còn nghiên cứu những nét đặc thù riêng của thành phố Đà Nẵng để đưa ra một số giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật đối với các giai đoạn thực hiện tội phạm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nói riêng.

KẾT LUẬN

Việc nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ "*Các giai đoạn thực hiện tội phạm theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*", cho phép đưa ra một số kết luận chung như sau:

Hành động cố ý phạm tội cũng như bất kỳ hoạt động nào của con người trong xã hội đều diễn ra theo quá trình nhất định. Người cố ý phạm tội luôn mong muốn thực hiện được trọn vẹn quá trình đó để đạt mục đích của mình. Nhưng trong thực tế có những trường hợp vì nguyên nhân ngoài ý muốn, người phạm tội đã không thực hiện được toàn bộ quá trình đó mà phải dừng lại ở những thời điểm khác nhau. Để đánh giá mức độ thực hiện tội phạm và qua đó có cơ sở để xác định phạm vi trách nhiệm hình sự của người phạm tội, đảm bảo sự công bằng trong hoạt động áp dụng pháp luật, pháp luật Hình sự Việt Nam cũng như nhiều nước trên thế giới có quy định về các giai đoạn phạm tội, trong đó có các giai đoạn như sau: chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành. Các giai đoạn phạm tội là những bước trong quá trình thực hiện tội phạm do cố ý trực tiếp. Căn cứ để xác định chính là ở những yếu tố thuộc về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, thời điểm chấm dứt của những hành vi đó, cũng như mức độ thực hiện ý định phạm tội của chủ thể. Trong các giai đoạn phạm tội, thì chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt được coi là tội phạm chưa hoàn thành (phân biệt với tội phạm hoàn thành). Việc quy định các giai đoạn thực hiện tội phạm là nhằm tạo cơ sở để có thể xác định những hành vi bị coi là tội phạm, giúp các cơ quan chức năng có cơ sở pháp lý để xử lý những hành vi gây thiệt hại, đe dọa gây thiệt hại cho các lợi ích xã hội cần bảo vệ, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm đạt kết quả cao, cũng như phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hóa hình phạt của người phạm tội có căn cứ, chính xác và đúng pháp luật,

bảo đảm nguyên tắc pháp chế, bình đẳng và công bằng trong luật hình sự Việt Nam.

Dù các giai đoạn thực hiện tội phạm đã được ghi nhận trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985, sau đó tiếp tục được quy định trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999, tiếp đó, lần sửa đổi bổ sung Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 (vào năm 2009) cũng không thay đổi nội dung này, tuy nhiên trong Phần chung của Bộ luật vẫn chưa đưa ra được một khái niệm đầy đủ và chính xác về các giai đoạn thực hiện tội phạm, các dạng của nó cũng như quy định cụ thể về trách nhiệm hình sự đối với tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt. Đồng thời, trong Bộ luật hình sự hiện hành việc quy định khung hình phạt cho tội phạm ở hai giai đoạn này cũng đã cho thấy nhiều bất hợp lý cần phải có sự điều chỉnh. Hơn nữa, về mặt văn bản nhà nước, các nghị quyết hướng dẫn áp dụng Phần chung Bộ luật hình sự rất ít nói đến việc thực hiện về tội phạm chưa hoàn thành.

Thực tiễn cho thấy trong việc điều tra, truy tố, xét xử các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành được xử lý rất ít, chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ so với tổng số những hành vi của giai đoạn này trên thực tế. Trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử cũng cho thấy nhiều trường hợp bị các cơ quan áp dụng pháp luật bỏ qua hoặc nhầm lẫn việc xác định các tình tiết thể hiện người có hành vi trong chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt.

Hiện nay, do những điều kiện nhất định mà các cơ quan bảo vệ pháp luật, Tòa án không có số liệu thống kê một cách cụ thể, chính xác về tội phạm chưa hoàn thành được thực hiện. Cụ thể mỗi năm có bao nhiêu trường hợp xảy ra, có bao nhiêu trường hợp quyết định đúng sai, tỷ lệ giữa tội phạm chưa hoàn thành với phạm tội đã hoàn thành được thực hiện là bao nhiêu không được thống kê, báo cáo đầy đủ. Cũng chính vì những lý do đó mà việc nghiên cứu đề tài này của tác giả cũng gặp rất nhiều khó khăn, tác giả không có nhiều

số liệu cụ thể, mà chỉ đánh giá tình hình này thông qua phương pháp thống kê và đánh giá ngẫu nhiên các bản án hình sự của Tòa án, cũng như tìm hiểu từ các nguồn khác nhau. Do vậy, cũng không tránh khỏi thiếu sót.

Trên thực tế, nếu tội phạm chưa hoàn thành không bị phát hiện và đưa ra xét xử một cách kịp thời thì tội phạm (hoàn thành) sẽ được thực hiện sẽ gây ra những hậu quả hết sức nghiêm trọng. Từ đó, công cuộc đấu tranh, phòng chống tội phạm của các cơ quan tư pháp hình sự gặp rất nhiều khó khăn. Vì những lý do đó, cho thấy các cơ quan bảo vệ pháp luật, Tòa án cần làm tốt hơn, cụ thể hơn công tác thống kê hình sự, hệ thống hóa đối với hành vi phạm tội theo các giai đoạn. Do đó, luận văn này góp phần giải quyết được một số vấn đề lý luận - thực tiễn xung quanh các giai đoạn thực hiện tội phạm theo pháp luật hình sự Việt Nam, ít nhiều góp phần hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm.

Hiện nay Việt Nam đang hội nhập quốc tế một cách mạnh mẽ, sâu rộng, thì vấn đề hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng cho phù hợp với hệ thống pháp luật trên thế giới là cần thiết và cấp bách. Cho nên pháp luật hình sự Việt Nam cần phải tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm lập pháp của nước ngoài, đúc rút kinh nghiệm thực tiễn, thu hút sự đóng góp tâm huyết của các nhà khoa học. Từ đó, chúng ta sẽ có một hệ thống pháp luật hoàn thiện, đồng bộ, thống nhất, sẵn sàng ứng phó với bất kỳ những trở ngại trên đường phát triển. Do đó, khoa học luật hình sự Việt Nam phải tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, đặt ra những yêu cầu mới trong công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm cũng như công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Từng bước, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam như mục tiêu của Đảng:

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả

thi, công khai, minh bạch, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; đổi mới căn bản cơ chế xây dựng và thực hiện pháp luật; phát huy vai trò và hiệu lực của pháp luật để góp phần quản lý xã hội, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, thực hiện quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân, góp phần đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 [6].

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Cẩm (2000), *Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình sự*, Tập III, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
2. Lê Cẩm (Chủ Biên) (2003), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Lê Văn Cẩm (2005), *Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
4. Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1967), *Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng*, Hà Nội.
5. Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1970), *Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân*, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2020*, Hà Nội.
8. Trần Văn Đạm (1995), “Chương VII – Phần thứ hai”, *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Trường Đại học Cảnh sát.
9. Đinh Bích Hà (2007), *Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*, NXB Tư pháp, Hà Nội
10. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (1997), *Luật Hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội
11. Vũ Đức Mạnh, (2015), *Tội phạm chưa hoàn thành theo luật hình sự Việt Nam*, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
12. Hoàng Đức Ngọc (2010), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phạm tội*

chưa đạt theo luật hình sự Việt Nam, Luận văn thạc sỹ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

13. Cao Thị Oanh (2010), *Cấu thành tội phạm và vấn đề xác định giai đoạn thực hiện tội phạm*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội
14. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội
15. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội
16. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
17. Đinh Văn Quế (2000), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 – Phần chung*, Nxb thành phố Hồ chí Minh.
18. Lê Thị Sơn (1999), *Một số vấn đề về các giai đoạn thực hiện tội phạm*, Trong sách: Luật hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn, NXB Công an nhân dân, Hà Nội
19. Lê Thị Sơn (2000), *Về trách nhiệm hình sự của hành vi chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt*, Tạp chí Luật học.
20. Tòa án nhân dân tối cao (1976), *Tập hệ thống hóa luật lệ hình sự*, tập 1 (1945 – 1975), Hà Nội
21. Tòa án nhân dân tối cao (1986), *Nghị quyết số 02-HĐTP ngày 05/01/1986 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ Luật hình sự” (Mục III – Chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt)*, Hà Nội.
22. Trường Đại học Cảnh sát nhân dân (1995), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Hà Nội.
23. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội
24. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Liên bang Nga*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
25. Nguyễn Thị Tuyết (2014), *Một số vấn đề về phạm tội chưa đạt*, Tạp chí

Kiểm sát, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

26. Đào Trí Úc (2000), *Luật hình sự Việt Nam (Quyển I Những vấn đề chung)*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
27. Trịnh Tiến Việt và Đoàn Ngọc Xuân (2003), *Hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự liên quan đến tội phạm và trách nhiệm hình sự*, Tạp chí dân chủ pháp luật (31/10)
28. Trịnh Tiến Việt (2008), *Tiếp tục hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự trước yêu cầu mới của đất nước*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (14).
29. Trịnh Tiến Việt (2009), *Về phạm tội chưa đạt và một số hình thức phạm tội khác trong quá trình thực hiện tội phạm*, Khoa học, (Chuyên san Luật học).
30. Trịnh Tiến Việt (2009), *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, Luật học, (25).
31. Trịnh Tiến Việt (2013), *Tội phạm và trách nhiệm hình sự*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
32. Võ Khánh Vinh (1994), *Nguyên tắc công bằng trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
33. Võ Khánh Vinh (2002), *Luật hình sự Việt Nam, Phần chung (Giáo trình sau đại học)*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội
34. Hồ Thanh Vinh (2014), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về tội phạm chưa hoàn thành theo luật hình sự Việt Nam*, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.